CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

Căn cứ Luật Thú y 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.[1].

---

[1] Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 61/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 3 Điều 37, khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 41, khoản 4 Điều 46, khoản 4 Điều 49 Luật Thú y (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 12 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường) về:

a) Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch; Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện miễn kiểm dịch; Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam; Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

b) Nội dung, trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm và động vật, sản phẩm động vật trên cạn mang theo người; đánh dấu, cấp mã số động vật trên cạn, niêm phong phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch; vận chuyển mẫu bệnh phẩm.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quy định khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nơi cách ly kiểm dịch động vật* là khu vực riêng biệt để nuôi giữ động vật trong thời gian nhất định để thực hiện việc kiểm dịch.

2. *Nơi cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật* là kho chứa hàng, phương tiện chứa đựng để bảo quản sản phẩm động vật trong thời gian nhất định để thực hiện việc kiểm dịch.

3. *Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu* là các sản phẩm động vật cùng loại, cùng tên, nhãn hàng hóa, cơ sở sản xuất hàng hóa, chất liệu bao bì.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục trưởng Cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. *Lô hàng sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu* là toàn bộ sản phẩm động vật của một chuyến hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (có cùng số vận đơn hoặc hợp đồng vận chuyển nếu có). Lô hàng có thể bao gồm một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng.

5. *Sản phẩm động vật có nguy cơ cao* là sản phẩm động vật ở dạng tươi sống, ướp lạnh, đông lạnh, sơ chế; nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải kiểm tra tạp nhiễm sản phẩm của loài nhai lại (ADN).

6. *Sản phẩm động vật có nguy cơ thấp* là sản phẩm động vật không thuộc quy định tại khoản 5 Điều này.

7. *Kiểm tra lâm sàng là* việc kiểm tra tình trạng sức khỏe động vật dựa vào các hoạt động đánh giá triệu chứng bên ngoài của động vật để phát hiện các dấu hiệu bất thường, dấu hiệu các bệnh động vật.

8. *Kiểm tra thực trạng hàng hóa* là việc kiểm tra điều kiện bảo quản, quy cách bao gói, ngoại quan của sản phẩm, chủng loại, nhãn sản phẩm, thông tin chi tiết của lô hàng.

9. *Người lấy mẫu kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật* là công chức được bổ nhiệm ngạch công chức chuyên ngành kiểm dịch động vật hoặc người có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chuyên ngành chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc chăn nuôi và thú y được cấp Chứng chỉ hoặc Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do Cục Chăn nuôi và Thú y hoặc các đơn vị được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền tổ chức tập huấn.

Điều 3. Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch; Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện miễn kiểm dịch; Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam

1. Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện miễn kiểm dịch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Mục 1
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Điều 4. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Đơn đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch đối với động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Đăng ký kiểm dịch

Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa), theo một trong các hình thức sau: qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

3. Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

a) Kiểm tra lâm sàng; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

d) Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12a hoặc mẫu 12b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

e) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

4. Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, c và d khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12a hoặc mẫu 12b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

c) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực hiện:

a) Thông báo cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin: số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng hóa, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển;

b) Thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống;

c) Tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

Điều 6. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Đăng ký kiểm dịch

Trước khi vận chuyển sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này đến Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa, theo một trong các hình thức: qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

3. Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

a) Kiểm tra thực trạng hàng hóa; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12c hoặc mẫu 12d quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm; kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

e) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

4. Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12c hoặc mẫu 12d quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính của sản phẩm; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

5. Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tổng hợp thông báo theo tuần cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển.

6. Kiểm soát vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh sản phẩm động vật đông lạnh, ướp lạnh làm thực phẩm sau nhập khẩu: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN XUẤT KHẨU

Điều 7. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu

1. Đơn đăng ký kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 2a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 2b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Văn bản thể hiện yêu cầu nội dung vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có).

4. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

Điều 8. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu

1. Đăng ký kiểm dịch

Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật có yêu cầu kiểm dịch, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại Điều 7 Thông tư này đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu) theo một trong các hình thức sau: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện như sau:

a) Kiểm tra lâm sàng đối với động vật; kiểm tra thực trạng hàng hóa đối với sản phẩm động vật; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Thực hiện kiểm tra các nội dung vệ sinh thú y theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng;

c) Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

d) Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

đ) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

4. Trường hợp nước nhập khẩu hoặc chủ hàng không có yêu cầu kiểm dịch: Chủ hàng phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

Điều 9. Kiểm soát động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu tại cửa khẩu xuất

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

1. Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Xác nhận đã kiểm tra vào Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu theo yêu cầu của chủ hàng.

Mục 3
KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU

Điều 10. Hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

1. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật nhập khẩu gồm:

a) Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 19 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật thuộc đối tượng quản lý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu gồm:

a) Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 19 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này (đối với hồ sơ đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương, đơn đăng ký theo mẫu 20 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác.

3. Hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu gồm:

a) Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu;

Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử.

Điều 11. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật nhập khẩu

1. Đăng ký kiểm dịch

a) Trước khi nhập khẩu động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này đến Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cục Chăn nuôi và Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công), đồng thời gửi Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

Trường hợp không đồng ý kiểm dịch, Cục Chăn nuôi và Thú y phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp động vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư này phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y, khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

2. Khai báo kiểm dịch

a) Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y, trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch;

c) Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu hướng dẫn và giám sát chủ hàng thực hiện cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu.

3. Nội dung kiểm dịch động vật nhập khẩu

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

a) Kiểm tra lâm sàng động vật, đối chiếu thông tin với hồ sơ kiểm dịch; nếu hồ sơ kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, động vật không có dấu hiệu mắc bệnh nguy hiểm; Cơ quan kiểm dịch tiến hành niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 14a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này để chủ hàng vận chuyển động vật đến nơi cách ly kiểm dịch;

b) Theo dõi, giám sát động vật tại nơi cách ly kiểm dịch; thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch;

c) Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

gây bệnh theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; hướng dẫn chủ hàng phòng bệnh bắt buộc đối với động vật chưa được phòng bệnh theo quy định;

d) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

đ) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

e) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

4. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến về thông tin lô hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu.

Điều 12. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu

1. Đăng ký kiểm dịch

a) Trước khi nhập khẩu sản phẩm động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo khoản 2 Điều 10 Thông tư này đến Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ khai báo qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

c) Trường hợp sản phẩm động vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư này phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y, khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

2. Khai báo kiểm dịch: Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Nội dung kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện như sau:

a) Kiểm thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, nếu đạt yêu cầu thì thực hiện lấy mẫu xét nghiệm theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

c) Lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu với mục đích làm hàng mẫu, có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu và miễn lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm; kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

đ) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

4. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến về thông tin lô hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu.

5. Đối với sản phẩm động vật xuất khẩu bị triệu hồi hoặc bị trả về

a) Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Chủ hàng phải xuất trình các giấy tờ liên quan đến lô hàng khi xuất khẩu: Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu (nếu có); bản chụp có xác nhận của chủ hàng các giấy tờ sau: tờ khai hải quan và bảng kê danh mục hàng hóa, thông báo lô hàng bị triệu hồi của chủ hàng (đối với hàng hóa bị triệu hồi), văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của đơn vị vận tải thông báo không có người nhận hàng;

c) Không yêu cầu chủ hàng phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất trả hàng.

Điều 13. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ và xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất

1. Sản phẩm động vật đã hoàn thành thủ tục kiểm dịch nhập khẩu, chưa được chế biến hoặc đóng gói lại khi thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ không phải thực hiện kiểm dịch.

2. Động vật, sản phẩm động vật có nguồn gốc trong nước, được xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất chỉ phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định.

Điều 14. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1. Kiểm dịch đối với trường hợp mang theo người không quá 02 con động vật với mục đích để nuôi làm cảnh, sinh hoạt trong gia đình hoặc mang theo đi du lịch, công tác, quá cảnh và không thuộc Danh mục động vật cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định

a) Chủ hàng khai báo kiểm dịch nhập khẩu trực tiếp tại Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện: Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; kiểm tra lâm sàng động vật; phòng bệnh bằng vắc-xin đối với động vật chưa được phòng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; lấy mẫu xét nghiệm đối với động vật nghi mắc bệnh truyền nhiễm;

c) Đối với động vật không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh, được phòng bệnh theo quy định;

d)[2] Đối với động vật phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xét nghiệm, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh, được phòng bệnh theo quy định; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh.

2. Kiểm dịch đối với động vật mang theo người không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này: Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư này; các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật mang theo người không thuộc quy định tại khoản 3 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

b) Đối với sản phẩm động vật mang theo người phải lấy mẫu xét nghiệm thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

c) Đối với sản phẩm động vật mang theo người không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

4. Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

5. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lập biên bản và tiêu hủy ngay tại khu vực gần cửa khẩu đối với động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, sản phẩm động vật không đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; lập biên bản tạm giữ hàng và xử lý theo quy định đối với trường hợp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ.

6. Không mang theo người sản phẩm có nguồn gốc động vật ở dạng tươi sống, sơ chế.

Điều 15. Kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu làm nguyên liệu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu

1. Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Sản phẩm động vật làm nguyên liệu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu: Thịt, tai, đuôi, chân của gia súc; thịt, cánh, chân của gia cầm nhập khẩu vào Việt Nam để gia công, chế biến hàng xuất khẩu phải được Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu thực hiện việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu với nội dung: Tên và địa chỉ công ty xuất khẩu; tên và địa chỉ nhà máy sản xuất; tên và địa chỉ công ty nhập khẩu sản phẩm gia công; sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thuộc vùng, cơ sở chăn nuôi không có dịch bệnh động vật liên quan đối với loại động vật đó theo quy định của Tổ chức Thú y thế giới; sản phẩm có nguồn gốc từ động vật được kiểm tra trước và sau khi giết mổ; sản phẩm được bao gói, bảo quản bảo đảm vệ sinh thú y; mục đích sử dụng để làm thực phẩm cho người.

3. Nội dung kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu làm nguyên liệu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu như sau:

a) Kiểm thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, nếu đạt yêu cầu thì thực hiện theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

c) Trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm: Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

d) Trường hợp không phải lấy mẫu xét nghiệm, chỉ kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm;

Trường hợp phát hiện hàng hóa không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y thì lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

đ) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

4. Chỉ được gia công, chế biến hàng xuất khẩu làm thực phẩm tại các cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật để kinh doanh bảo đảm vệ sinh thú y và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu. Chủ hàng chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản, gia công, chế biến đúng mục đích sử dụng theo đăng ký, khai báo kiểm dịch.

5. Sản phẩm động vật nhập khẩu để làm nguyên liệu để gia công, chế biến, sau khi gia công, chế biến phải thực hiện theo quy định về kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu khi xuất khẩu.

Điều 16. Thông báo vi phạm

Trường hợp phát hiện lô hàng nhập khẩu có chỉ tiêu được kiểm tra, xét nghiệm không đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi và Thú y thông báo bằng văn bản cho Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, yêu cầu điều tra nguyên nhân, có hành động khắc phục và gửi báo cáo cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

Mục 4
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN TẠM NHẬP TÁI XUẤT, TẠM XUẤT TÁI NHẬP, CHUYỂN CỬA KHẨU, KHO NGOẠI QUAN, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM

Điều 17. Hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam gồm:

a) Đơn đăng ký kiểm dịch theo mẫu 17 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chụp Hợp đồng thương mại có xác nhận của doanh nghiệp;

c) Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập, xuất kho ngoại quan gồm:

a) Đơn đăng ký kiểm dịch xuất/nhập kho ngoại quan động vật, sản phẩm

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

động vật theo mẫu 18 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chụp Hợp đồng thương mại có xác nhận của doanh nghiệp;

c) Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác.

3. Hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam gồm:

a) Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu có xác nhận của doanh nghiệp. Chủ hàng phải xuất trình bản gốc để đối chiếu khi kiểm tra hàng hóa.

Điều 18. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm xuất tái nhập

1. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm xuất tái nhập khi tạm xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Kiểm dịch động vật tạm xuất tái nhập khi tái nhập khẩu thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, các khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Thông tư này.

3. Kiểm dịch sản phẩm động vật tạm xuất tái nhập khi tái nhập khẩu thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, các khoản 2, 3 và 4 Điều 12 Thông tư này.

Điều 19. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Đăng ký kiểm dịch

a) Trước khi tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này đến Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Khai báo kiểm dịch

a) Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y, trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ khai báo qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Tại cửa khẩu nhập, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

a) Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng lô hàng;

b)[3] Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo mẫu 16a Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo mẫu 16b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này;

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nơi xuất hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

c) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;

đ) Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của Cơ quan hải quan và chủ hàng;

e) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lưu bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu vào hồ sơ kiểm dịch; Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu giao lại cho chủ hàng.

4. Chủ hàng khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Thực hiện hướng dẫn của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; trường hợp cần thay đổi lộ trình vận chuyển hoặc thay đổi cửa khẩu thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Không tự ý bốc dỡ hàng, tháo dỡ niêm phong, kẹp chì, trừ trường hợp cần

[3]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thiết thì phải có sự chứng kiến của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; trong trường hợp cần thay đổi phương tiện vận chuyển thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

c) Không để động vật tiếp xúc với động vật trong nước; chỉ được phép thả động vật để cho ăn, uống hoặc trường hợp đặc biệt khác khi Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cho phép và giám sát;

d) Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải trên đường đi. Xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật, dụng cụ chứa đựng phát sinh trong quá trình vận chuyển phải được thu gom, xử lý tại địa điểm theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

5. Tại cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

a) Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch;

b) Kiểm tra dấu niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

c) Nếu hàng hóa đúng với Giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp tại cửa khẩu nhập thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục xuất hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

6. Không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam trong các trường hợp sau:

a) Động vật, sản phẩm động vật đã đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh động vật mẫn cảm với loài động vật đó;

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ;

c) Động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Trường hợp thay đổi cửa khẩu xuất khi lô hàng đã đến cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu dự kiến tái xuất ban đầu xác nhận về việc đồng ý chuyển sang cửa khẩu khác nếu cửa khẩu tái xuất đã được Cục Chăn nuôi và Thú y chấp thuận trong văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch.

Điều 20. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập, xuất kho ngoại quan

1. Đăng ký kiểm dịch

a) Trước khi thực hiện nhập, xuất kho ngoại quan động vật, sản phẩm động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này đến Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Khai báo kiểm dịch

a) Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y, trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này tới Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ khai báo qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Nội dung kiểm dịch hàng hóa nhập vào kho ngoại quan

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa nhập vào kho ngoại quan như sau:

a) Theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 3 Điều 19 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận vận chuyển sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 14b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này để chủ hàng vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

c) Tại kho ngoại quan, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan giám sát việc chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

4. Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, chủ hàng phải gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch tới Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

5. Nội dung kiểm dịch hàng hóa xuất ra khỏi kho ngoại quan

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa xuất ra khỏi kho ngoại quan như sau:

a) Thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Thông tư này đối với động vật, sản phẩm động vật tiêu thụ trong nước;

b) Thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này đối với sản phẩm động vật làm nguyên liệu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu;

c) Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, và 7 Điều 19 Thông tư này đối với động vật, sản phẩm động vật gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu;

d) Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, Cơ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước, làm nguyên liệu gia công, chế biến hàng xuất khẩu) hoặc giao lại cho chủ hàng trong trường hợp hàng tái xuất khẩu.

Mục 5
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THAM GIA HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM, BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT, THI ĐẤU THỂ THAO; SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THAM GIA HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM; VẬN CHUYỂN MẪU BỆNH PHẨM

Điều 21. Kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm

1. Kiểm dịch đối với động vật trên cạn vận chuyển trong nước để tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển trong nước tham gia hội chợ, triển lãm thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Kiểm dịch đối động vật trên cạn nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

4. Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

5. Khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật trường hợp chủ hàng có nhu cầu xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật trên cạn, việc kiểm dịch thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

6. Trong thời gian tham gia và khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, chủ hàng phải thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc khu vực tập trung động vật, sản phẩm động vật theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.

Điều 22. Vận chuyển mẫu bệnh phẩm

1. Khi có yêu cầu nhận mẫu bệnh phẩm từ nước ngoài gửi về Việt Nam hoặc gửi mẫu bệnh phẩm từ Việt Nam ra nước ngoài, chủ hàng phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm đến Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ khai báo qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Hồ sơ gồm: đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm theo mẫu 5 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm trả lời chủ hàng qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công).

Trường hợp không đồng ý phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

3. Mẫu bệnh phẩm gửi tới cơ sở xét nghiệm phải được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, không làm phát tán mầm bệnh, không gây ô nhiễm môi trường.

4. Mẫu bệnh phẩm không được phép đưa vào Việt Nam hoặc mẫu bệnh phẩm không được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định, không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, có nguy cơ phát tán và gây ô nhiễm môi trường phải được tiêu hủy theo quy định của pháp luật về thú y, phòng chống bệnh truyền nhiễm và bảo vệ môi trường.

Mục 6
MẪU HỒ SƠ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Điều 23. Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

1. Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật được sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

3. Cơ quan kiểm dịch động vật chịu trách nhiệm in, sử dụng mẫu hồ sơ kiểm dịch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 24. Quản lý, sử dụng mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

1. Các mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật được in bằng mực đen trên giấy in khổ A4, ở giữa có Logo kiểm dịch động vật in chìm, màu đen nhạt, đường kính 12 cm.

2. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh được đóng dấu **"BẢN GỐC"** hoặc **"BẢN SAO"** bằng mực dấu màu đỏ ở góc bên phải phía dưới **"Mẫu: ..."** (Mẫu dấu theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này). Số lượng giấy chứng nhận kiểm dịch được phát hành như sau:

a) Bản gốc: 01 bản lưu tại Cơ quan kiểm dịch động vật, 01 bản giao cho chủ hàng;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Bản sao: Căn cứ vào nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có) để cấp tối đa 03 bản sao cho chủ hàng, mỗi nơi giao hàng chỉ cấp 01 bản sao; các bản sao đều sử dụng dấu đỏ của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền đã cấp bản gốc;

Trường hợp ủy quyền thì sử dụng mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12b và Mẫu 12d quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy chứng nhận kiểm dịch bản điện tử được cấp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công có giá trị tương đương bản gốc.

3. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được đóng dấu **"ORIGINAL"** hoặc **"COPY"** bằng mực dấu màu đỏ ở góc bên phải phía dưới **"Mẫu..."** (Mẫu dấu theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này). Số lượng giấy chứng nhận kiểm dịch được phát hành như sau:

a) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu: 03 bản Original (01 bản lưu tại cơ quan kiểm dịch động vật, 02 bản giao cho chủ hàng); 02 bản Copy giao cho chủ hàng;

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam: 03 bản Original (01 bản lưu tại Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nhập, 02 bản giao cho chủ hàng); 02 bản Copy giao cho chủ hàng trong đó 01 bản được nộp lại cho Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nhập sau khi lô hàng đã được tái xuất hết ra khỏi lãnh thổ Việt Nam và có xác nhận của Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu xuất); các bản sao đều sử dụng dấu đỏ của Cơ quan thú y có thẩm quyền đã cấp bản gốc;

c) Trường hợp có thống nhất giữa Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử.

4. Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu được phát hành 03 bản (01 bản lưu tại Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nhập, 02 bản giao cho chủ hàng).

5. Thời hạn giá trị sử dụng của giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:

a) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh được tính theo thời gian vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ nơi xuất phát đến nơi đến cuối cùng;

b) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu là 60 ngày; thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu là 180 ngày;

c) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được tính theo thời gian tối đa cho phép hàng hóa lưu trú tại lãnh thổ Việt Nam.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương III
ĐÁNH DẤU, CẤP MÃ SỐ ĐỘNG VẬT, NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, VẬT DỤNG CHỨA ĐỰNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THUỘC DIỆN PHẢI KIỂM DỊCH

Điều 25. Quy định chung về đánh dấu, cấp mã số đối với động vật; niêm phong phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật

1. Các loại động vật phải được đánh dấu, cấp mã số:

a) Động vật giống (trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai, ngựa, lừa, la và lợn) khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

b) Động vật (trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai, ngựa, lừa, la và lợn) khi xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Mã số của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh theo quy định tại Phụ lục VIIa ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Mã số của cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y theo quy định tại Phụ lục VIIb ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh quy định cụ thể mã số cho từng xã, phường và đặc khu (sau đây gọi là xã) trực thuộc tỉnh, thành phố và thông báo mã số cho Cục Chăn nuôi và Thú y và các Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh trong cả nước.

5. Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm bổ sung mã số cho các Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh mới được thành lập.

6. Niêm phong phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Phụ lục VIIc ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Đánh dấu gia súc vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Động vật giống (trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai, ngựa, lừa, la) khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phải được đánh dấu bằng cách bấm thẻ tai. Thẻ tai được quy định như sau:

a) Thẻ tai màu xanh theo hình 1 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, kích thước 4 cm (rộng) x 5 cm (cao); trên thẻ phải ghi rõ mã số, số hiệu của gia súc;

b) Mã số của gia súc gồm: Mã số của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh; mã số xã (ba chữ số); năm bấm thẻ tai (hai chữ số cuối của năm) và số thứ tự của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999);

Cách viết mã số của gia súc trên thẻ tai theo hình 2 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Mực viết mã số của gia súc trên thẻ tai có màu đen; loại mực không nhòe,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

khó tẩy xóa.

2. Lợn giống khi vận chuyển được thực hiện theo một trong các biện pháp sau:

a) Bấm thẻ tai theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Xăm mã số tỉnh, mã số xã và mã số năm ở mặt ngoài, phía dưới tai bên phải của lợn. Việc xăm mã số trên da ở mặt ngoài, phía dưới của tai lợn được quy định như sau:

Hình dáng, kích thước chữ số: Các chữ số dùng để xăm trên tai lợn có thể sử dụng các chữ số theo hình 1a hoặc hình 1b quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; các kim xăm của chữ số có chiều cao là 6 mm (tính từ bề mặt của bàn xăm) và nhọn ở phía đầu; chữ số có bề rộng từ 4 - 8 mm và có chiều cao tương ứng từ 8 - 12 mm;

Mã số xăm trên tai lợn (theo hình 2a hoặc hình 2b quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này) được quy định như sau: 02 (hai) chữ số đầu là mã số của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh; 03 (ba) chữ số tiếp theo là mã số của xã (nơi lợn xuất phát hoặc nơi cách ly để kiểm dịch) và 02 (hai) chữ số cuối cùng là 02 (hai) chữ số cuối của năm thực hiện việc xăm mã số;

c) Mực sử dụng để xăm mã số trên da lợn phải bảo đảm an toàn thực phẩm, không được mất màu.

3. Lợn vận chuyển đến các cơ sở giết mổ phải thực hiện biện pháp niêm phong phương tiện vận chuyển bằng kẹp chì hoặc dây niêm phong có mã số, số hiệu.

4. Gia súc đã được đánh dấu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì không phải đánh dấu lại khi kiểm dịch vận chuyển đi tiêu thụ nếu mã số, số hiệu của gia súc không bị mất màu mực.

5. Gia súc sau khi kiểm dịch đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật lập bảng kê mã số, số hiệu của gia súc (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch động vật.

Điều 27. Đánh dấu gia súc xuất khẩu, nhập khẩu

1. Gia súc xuất khẩu, nhập khẩu phải được đánh dấu bằng cách bấm thẻ tai bằng nhựa cao su, thẻ tai được bấm ở mặt trong tai bên phải của gia súc.

2. Thẻ tai màu vàng có hình dáng theo hình 3 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; trên thẻ tai phải ghi rõ mã số, số hiệu của gia súc.

3. Mã số, số hiệu của gia súc gồm: Mã số của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; mã số của tỉnh (nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu); năm cấp thẻ tai và số hiệu của gia súc.

4. Mực viết mã số, số hiệu của gia súc trên thẻ tai theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 26 Thông tư này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Cách viết mã số, số hiệu của gia súc trên thẻ tai (hình 4 quy định tại Phụ lục VIII, ban hành kèm theo Thông tư này) được quy định cụ thể như sau:

a) Hàng trên gồm: Mã số của Cơ quan kiểm dịch động vật xuất nhập khẩu; 02 (hai) chữ số tiếp theo là mã số của tỉnh (nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu); 02 (hai) chữ số cuối cùng là 02 (hai) chữ số cuối của năm cấp thẻ tai;

Trường hợp gia súc nhập khẩu không phải nuôi cách ly kiểm dịch thì sử dụng mã số của tỉnh nơi có cửa khẩu làm thủ tục kiểm dịch nhập khẩu gia súc;

b) Hàng dưới là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

6. Gia súc sau khi kiểm dịch bảo đảm yêu cầu, Cơ quan kiểm dịch động vật lập bảng kê mã số, số hiệu của gia súc (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật.

7. Trường hợp gia súc nhập khẩu đã được đánh dấu hoặc đã có thẻ tai thì không phải thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lập bảng kê mã số, số hiệu của gia súc nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều này (trừ trường hợp đã có bảng kê mã số, số hiệu của gia súc kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu).

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[4]

---

[4] Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hồ sơ, thủ tục hành chính đã được tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đã được cắt giảm (không thực hiện) tại Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì dừng việc giải quyết thủ tục hành chính, hoàn trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nếu có yêu cầu.

3. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn.

4. Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thẩm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý đối với các vùng, cơ sở đã được Cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp nước nhập khẩu có yêu cầu Cục Chăn nuôi và Thú y phải trực tiếp quản lý.

5. Các nhiệm vụ môi trường đã phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2024/TT-BNNPTNT, được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Điều 2, Điều 3 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

3. Điều 6 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm của Cục Chăn nuôi và Thú y

a) Hướng dẫn các Cơ quan kiểm dịch động vật tổ chức thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Thông tư này;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu;

c) Hướng dẫn in, sử dụng mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn về tiêu chuẩn, tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về kiểm dịch, cấp thẻ kiểm dịch viên động vật;

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Thú y;

e) Định kỳ, đột xuất kiểm tra đối với Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa, kiểm dịch viên được ủy quyền trong việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y

a) Tổ chức thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm và động vật, sản phẩm động vật trên cạn mang theo người theo quy định tại Thông tư này;

b) Đối với cơ sở giết mổ động vật; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật với mục đích để xuất khẩu được Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra, giám sát, nếu cơ sở có nhu cầu tiêu thụ nội địa hoặc xuất khẩu sang những nước không có yêu cầu về kiểm dịch xuất khẩu thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quản lý cơ sở đó cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định về kiểm

---

4. Các quy định về phân cấp thủ tục hành chính cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8, khoản 2, khoản 5 Điều 11, Điều 12, Điều 13 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

5. Các Đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các thủ tục hành chính được phân cấp tại Thông tư này; thực hiện việc bàn giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các hồ sơ mà Bộ đã tiếp nhận và xử lý trước thời điểm các quy định về phân cấp thủ tục hành chính tại Thông tư này có hiệu lực thi hành.

6. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Thông tư này được loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định./.”

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

3. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Cục Chăn nuôi và Thú y;

b) Phối hợp với Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn, giám sát vệ sinh thú y nơi cách ly kiểm dịch động vật giống nhập khẩu;

c) Tổ chức thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo ủy quyền của Cục Chăn nuôi và Thú y;

d) Ủy quyền cho kiểm dịch viên động vật thực hiện việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;

đ) Chịu trách nhiệm về việc ủy quyền và thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với người được ủy quyền;

e) Thông báo cho các cơ quan, ban ngành liên quan danh sách người được ủy quyền thực hiện việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

g) Công bố và báo cáo Cục Chăn nuôi và Thú y danh sách các cơ sở trên địa bàn tỉnh đã thực hiện giám sát dịch bệnh, phòng bệnh bằng vắc-xin còn thời gian miễn dịch bảo hộ; các cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; các cơ sở sơ chế, chế biến được giám sát vệ sinh thú y.

4. Trách nhiệm của chủ hàng

a) Chấp hành các quy định của pháp luật về thú y và pháp luật khác có liên quan trong việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

b) Thanh toán các chi phí kiểm dịch, xét nghiệm; các khoản chi phí thực tế cho việc xử lý, tiêu hủy lô hàng không đạt yêu cầu (nếu có) theo quy định hiện hành;

c) Đối với trường hợp gửi hồ sơ giấy thành phần hồ sơ có yêu cầu bản chụp, thì bản chụp chỉ cần có ký, đóng dấu, xác nhận của chủ hàng;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của hồ sơ đăng ký, khai báo kiểm dịch;

đ) Bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu đảm bảo các yêu cầu theo quy định;

e) Bố trí kho đảm bảo yêu cầu bảo quản hàng hóa.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đã nộp cho Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Thông tư

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận kiểm dịch đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được sử dụng đến hết ngày có giá trị sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch.

3. Các mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, thẻ tai và dây niêm phong theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn đã được in thì được phép sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

b) Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

d) Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

đ) Thông tư số 28/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

3. Bãi bỏ Điều 22 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Chăn nuôi và Thú y) để xem xét, sửa đổi bổ sung./.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 67 /VBHN-BNNMT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2026

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (để đăng tải);
- Cổng TTĐT Bộ NN&MT (để đăng tải);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Chăn nuôi và Thú y, các đơn vị thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, CNTY.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Quốc Trị

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục I

DANH MỤC ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THUỘC DIỆN PHẢI KIỂM DỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. ĐỘNG VẬT

1. Gia súc: Trâu, bò, lừa, ngựa, la, dê, cừu, lợn, thỏ, chó, mèo và các loài gia súc nuôi khác.

2. Gia cầm: Gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây, đà điểu, bồ câu, chim cút, các loài chim làm cảnh và các loài chim khác.

3. Động vật thí nghiệm: Chuột lang, chuột nhắt trắng, thỏ và các loài động vật thí nghiệm khác.

4. Động vật hoang dã: Voi, hổ, báo, gấu, hươu, nai, vượn, đười ươi, khỉ, tê tê, cu li, sóc, chồn, kỳ đà, tắc kè, trăn, rắn, gà rừng, trĩ, gà lôi, công và các loài động vật hoang dã khác.

5. Các loại động vật khác: Ong, tằm, các loại côn trùng khác.

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

1. Thịt, sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật có nguồn gốc từ động vật trên cạn.

2. Lạp xưởng, patê, xúc xích, giăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ chế, chế biến.

3. Sữa và các sản phẩm từ sữa.

4. Trứng và các sản phẩm từ trứng của động vật trên cạn.

5. Trứng gia cầm giống, trứng tằm; phôi, tinh dịch động vật.

6. Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật.

7. Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản.

8. Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vẩy tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hóa và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật.

9. Da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối.

10. Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật: Hổ, báo, cầy, thỏ, rái cá và từ các loài động vật khác.

11. Lông mao: Lông đuôi ngựa, lông đuôi bò, lông lợn, lông cừu và lông của các loài động vật khác.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

12. Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác.

13. Răng, sừng, móng, ngà, xương của động vật.

14. Tổ yến, các sản phẩm từ yến.

15. Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong.

16. Các đối tượng thuộc diện phải kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục II

DANH MỤC ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THUỘC DIỆN MIỄN KIỂM DỊCH

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. Động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

1. Động vật sử dụng cho mục đích An ninh, Quốc phòng trong trường hợp khẩn cấp.

2. Ong mật và các sản phẩm từ ong mật.

3. Trứng gia cầm tươi, trứng muối, trứng bắc thảo và các sản phẩm từ trứng.

4. Hàng thủ công mỹ nghệ chế tác từ sản phẩm của động vật, thú nhồi lông của động vật.

Đối với sản phẩm quy định tại khoản 2 và khoản 3 vẫn thực hiện kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh nếu có yêu cầu của nước nhập khẩu.

II. Động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập khẩu:

1. Động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy chế ngoại giao.

2. Các sản phẩm nghiên cứu, sản xuất vắc-xin và chế phẩm sinh học: Huyết thanh của ngựa, bò, cừu; các sản phẩm làm dược liệu: Ngô công (rết), Thuyền thoái (xác ve sầu lột), Toàn yết (bọ cạp), A Giao (keo da lừa), huyết hươu khô, nhung hươu khô; kén tằm; sản phẩm đã xử lý sâu để gia công hàng may mặc thành phẩm: miếng da/dải lông, lông mao, lông vũ.

3. Sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người dùng làm thực phẩm với trọng lượng không quá 05 kg đã qua chế biến, bao gói sẵn để tiêu dùng cá nhân và không thuộc Danh mục sản phẩm động vật cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục III
DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. VI SINH VẬT, KÝ SINH TRÙNG, TRỨNG VÀ ẤU TRÙNG CỦA KÝ SINH TRÙNG GÂY BỆNH ĐỘNG VẬT

I. BỆNH CHUNG CHO NHIỀU LOÀI ĐỘNG VẬT

TT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Lở mồm long móng	Foot and mouth disease
2	Bệnh Nhiệt thán	Anthrax
3	Bệnh Dại	Rabies
4	Bệnh Giả dại	Aujeszky’s disease
5	Bệnh Sảy thai truyền nhiễm	Brucellosis
6	Bệnh Phó lao	Johne’s disease (Paratuberculosis)
7	Bệnh Lưỡi xanh	Bluetongue
8	Bệnh Sốt thung lũng	Rift valley fever
9	Bệnh Xoắn khuẩn	Leptospirosis
10	Bệnh Viêm miệng có mụn nước	Vesicular stomatitis
11	Bệnh Tích nước xoang bao tim truyền nhiễm	Heartwater
12	Bệnh Viêm da	Dermatophilosis
13	Bệnh Toxoplasma	Toxoplasmosis
14	Bệnh Giun xoắn	Trichinellosis
15	Bệnh Nhục bào tử trùng	Saccasporidiosis
16	Bệnh Cầu ấu trùng	Enchinococcosis/hydatidosis
17	Bệnh xuất huyết	Epizootic hemorrhagic disease virus

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

18	Bệnh viêm não Nhật Bản	Japanese encephalitis
19	Ấu trùng ruồi ăn thịt	New world screwworm (Cochliomyia hominivorax) and Old world screwworm (Chrysomya bezziana)
20	Bệnh nhiễm khuẩn	Tularemia
21	Bệnh sốt Tây sông Nin	West Nile fever
22	Bệnh Dịch tả trâu bò	Rinderpest

II. BỆNH Ở LOÀI NHAI LẠI

TT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Viêm đường sinh dục truyền nhiễm	Bovine genital campylobacteriosis
2	Bệnh Viêm phổi màng phổi truyền nhiễm bò	Bovine contagious pleuropneumonia
3	Bệnh Viêm não thể xốp bò	Bovine Spongiform Encephalopathy
4	Bệnh Sốt Q	Q fever
5	Bệnh Cúm bò	Bovine ephemeral fever
6	Bệnh Bạch huyết bò	Enzootic bovine leukosis
7	Bệnh Viêm mũi khí quản truyền nhiễm ở bò	Infectious bovine rhinotracheitis
8	Bệnh Tiêu chảy có màng nhày do virut ở bò	Bovine viral diarrhoea/mucosal disease
9	Bệnh Xạ khuẩn	Actinomycosis
10	Bệnh Ung khí thán	Gangraena emphysematosa
11	Bệnh Loét da quăn tai	Coryza gangreanosa
12	Bệnh Tụ huyết trùng	Pasteurellosis
13	Bệnh Dịch tả loài nhai lại nhỏ	Peste des petits ruminants
14	Bệnh Viêm phổi màng phổi truyền nhiễm dê	Caprine contagious pleuropneumonia

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

15	Bệnh Đậu dê và cừu	Sheep pox and goat pox
16	Bệnh Lở mép truyền nhiễm dê	Contagious ecthyma of goat
17	Bệnh Cạn sữa truyền nhiễm dê	Caprine contagious agalactia
18	Bệnh Viêm khớp dê	Caprine arthritis
19	Bệnh Sảy thai truyền nhiễm cừu	Enzootic abortion of ewes
20	Bệnh Tiên mao trùng	Trypanosomiasis
21	Bệnh do Trichomonas	Trichomonosis
22	Bệnh Lê dạng trùng	Babesiosis
23	Bệnh Biên trùng	Anaplasmosis
24	Bệnh do Theileria	Theileriosis
25	Bệnh Gạo bò	Bovine cysticercosis
26	Bệnh Viêm da nổi cục truyền nhiễm	Lumpy skin disease
27	Bệnh Lao bò	Bovine Tuberculosis

III. BỆNH Ở NGỰA

TT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Dịch tả ngựa châu Phi	African horse sickness
2	Bệnh Thiếu máu truyền nhiễm	Equine infections anemia
3	Bệnh Viêm não tủy ngựa	Equine encephalomyelitis
4	Bệnh Viêm não tủy Venezuela	Venezuelan equine encephalomyelitis
5	Bệnh Tỵ thư	Glanders
6	Bệnh Viêm hệ lâm ba truyền nhiễm	Epizootic lymphangitic
7	Bệnh do Salmonella ở ngựa	Equine salmonellosis
8	Bệnh Đậu ngựa	Horse pox
9	Bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm ở ngựa	Enquine rhinopneumonitis

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

10	Bệnh Viêm tử cung truyền nhiễm ở ngựa	Equine contagious metritis
11	Bệnh Cúm ngựa	Enquine influenza
12	Bệnh Tiêm la ngựa	Dourine
13	Bệnh Lê dạng trùng	Enquine piroplasmosis

IV. BỆNH Ở LỢN

TT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Dịch tả lợn châu Phi	African swine fever
2	Bệnh Dịch tả lợn cổ điển	Classical swine fever
3	Bệnh Mụn nước ở lợn	Swine vesicular disease
4	Bệnh do virus Nipah ở lợn	Nipah virus infection
5	Bệnh Suyễn lợn	Mycoplasma pneumonia of swine /Swine enzootic pneumonia (SEP)
6	Bệnh Viêm teo mũi truyền nhiễm	Atrophic rhinitis of swine
7	Bệnh viêm màng phổi truyền nhiễm	Pleuroncumonia
8	Bệnh Viêm não tủy lợn	Enterovirus encephalomyelitis/ Teschen disease
9	Bệnh Viêm dạ dày ruột truyền nhiễm	Transmissble gastroenteritis of swine
10	Bệnh Ỉa chảy truyền nhiễm ở lợn	Porcine epizootic diarrhoea
11	Hội chứng Rối loạn đường hô hấp và sinh sản	Porcine respiratory and reproductive syndrome (PRRS)
12	Bệnh Cúm lợn	Swine influenza
13	Bệnh Viêm ruột ỉa chảy do vi rút	Porcine parvovirus infection
14	Bệnh Hồng lỵ do Treponema	Swine dysentery
15	Bệnh Đóng dấu lợn	Erysipelas
16	Bệnh Phó thương hàn lợn	Paratyphoid suum

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

17	Bệnh Tụ huyết trùng lợn	Pasteurellosis suum
18	Bệnh Phù đầu do Ecoli	Head edema
19	Hội chứng Gầy còm lợn con sau cai sữa	Porcine circovirus - PCV
20	Bệnh Đậu lợn	Variola suum
21	Bệnh Gạo lợn	Swine cysticercosis

V. BỆNH Ở GIA CẦM

TT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Cúm gia cầm thể độc lực cao	Highly pathogenic avian influenza
2	Bệnh Niu-cát-xơn	Newcastle disease
3	Bệnh Viêm thanh khí quản truyền nhiễm	Avian infections laryngotracheitis
4	Bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm gà	Avian infections bronchitis
5	Bệnh Gumboro	Infections bursal disease/Gumboro disease
6	Bệnh Tụ huyết trùng gia cầm	Avian pasteurellosis
7	Bệnh Bạch lỵ gà	Avian typhoid and pullorum disease
8	Bệnh Viêm màng não gà	Avian encephalomyelitis
9	Hội chứng Giảm đẻ	Egg drop syndrome 76 (EDS' 76)
10	Bệnh Đậu gà	Fowl pox
11	Bệnh Marek	Avian marek’s disease
12	Bệnh Leuco gà	Avian Leucosis
13	Bệnh do Mycoplasma	Avian mycoplasmosis
15	Hội chứng phù đầu	Swollen head syndrome
16	Chứng sổ mũi truyền nhiễm	Infectious coryza
17	Bệnh Dịch tả vịt	Pestis anatum

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

18	Bệnh Viêm gan do vi rút ở vịt	Duck virus hepatitis
19	Bệnh Viêm ruột do vi rút ở vịt	Duck virus enteritis
20	Bệnh Dịch tả ngỗng	Pestis anserum
21	Bệnh Cầu trùng	Coccidiosis
22	Bệnh Sốt vẹt	Psittacosis and ornithosis

VI. BỆNH Ở ONG, TẰM

TT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Ký sinh do Varroa	Varroosis/Varroatosis
2	Bệnh Thối ấu trùng ong châu Mỹ	American foulbrood
3	Bệnh Thối ấu trùng ong châu Âu (thối ấu trùng tuổi nhỏ)	European foulbrood
4	Bệnh Ghẻ ở ong	Acariosis of bees
5	Bệnh Ỉa chảy ở ong	Nosemosis of bees
6	Bệnh Thối ấu trùng tuổi lớn	Sacbrood
7	Bệnh Vôi hóa ấu trùng ong	Lime brood
8	Bệnh Chấy con ở ong	Tropilaplase
9	Bệnh Tằm gai	Febrine disease of chinese silkwiren

VII. BỆNH Ở CÁC LOÀI KHÁC

TT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh do virut Marburg ở khỉ	Marburg virus
2	Bệnh Mụn nước do virut ở khỉ	Herpes virus
3	Bệnh Viêm gan do virut ở khỉ	Viral hepatitis
4	Bệnh Viêm sởi ở khỉ do Paramyxo virut	Measles
5	Hội chứng Suy giảm miễn dịch ở khỉ	Simian Acquired Immuno - Deficiency Syndrome (AIDS)
6	Bệnh Ebola ở khỉ	Ebola virus

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

7	Bệnh Viêm thanh quản do virut ở khỉ	Simian adenoviruses
8	Bệnh Viêm đường hô hấp do virut ở khỉ	Miscellaneous respiratory viruses
9	Bệnh Đậu khỉ	Monkey pox
10	Bệnh Ca rê ở chó	Canine distemper
11	Bệnh Alcut ở chồn	Aleurian disease of mink
12	Bệnh U nhầy của loài gậm nhấm	Myxomatosis
13	Bệnh Xuất huyết ở thỏ	Rabbit haemorrhagic disease
14	Bệnh Tụ huyết trùng ở thỏ	Rabbit pasteurellosis
15	Bệnh Bồ đào cầu trùng ở thỏ	Rabbit staphylococosis
16	Bệnh do Listeria monocytogenes gây ra ở thỏ	Rabbit listeriosis
17	Bệnh Thương hàn ở thỏ	Rabbit typhoid
18	Bệnh Phó thương hàn ở thỏ	Rabbit paratyphoid
19	Bệnh Cầu trùng ở thỏ	Rabbit coccidiosis
20	Bệnh Hoại tử	Rabbit necrobacilosis

B. CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Các đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

C. Đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với Tổ chức Thú y thế giới, các nước và tại Việt Nam.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục IV

DANH MỤC ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THUỘC DIỆN PHẢI PHÂN TÍCH NGUY CƠ TRƯỚC KHI NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Động vật bao gồm:

Trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây.

2. Sản phẩm động vật bao gồm:

a) Thịt gia súc, gia cầm ở dạng tươi, đông lạnh, ướp lạnh;

b) Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ, bột cá, bột gan mực để sản xuất thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản từ những quốc gia, vùng lãnh thổ có bệnh Bò điên, Nhiệt thán.

3. Việc phân tích nguy cơ đối với mục 1 và mục 2 Phụ lục này được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Có nguồn gốc từ quốc gia, vùng lãnh thổ lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam;

b) Đã được nhập khẩu vào Việt Nam nhưng bị áp dụng biện pháp tạm ngừng hoặc cấm nhập khẩu vào Việt Nam để xem xét việc được nhập khẩu trở lại.

4. Các loại động vật, sản phẩm động vật không thuộc mục 1 và mục 2 Phụ lục này khi có nguy cơ gây lây lan dịch bệnh động vật và ảnh hưởng đến sức khỏe người.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục V
MẪU HỒ SƠ
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Đơn đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 1a), đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 1b).

2. Đơn đăng ký kiểm dịch động vật xuất khẩu (Mẫu 2a), sản phẩm động vật xuất khẩu (Mẫu 2b).

3. Đơn khai báo kiểm dịch (Mẫu 3) sử dụng để khai báo kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, kho ngoại quan, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam;

4. Bản khai kiểm dịch động vật (Mẫu 4): Sử dụng đối với chủ tầu biển vận chuyển động vật vào lãnh thổ Việt Nam.

5. Đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm (Mẫu 5).

6. Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (Mẫu 6).

7. Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y của động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 7).

8. Biên bản niêm phong/mở niêm phong phương tiện vận chuyển, chứa đựng động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 8).

9. Quyết định xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y (Mẫu 9).

10. Biên bản xử lý vệ sinh thú y hàng động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 10).

11. Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y (Mẫu 11).

12. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

a) Mẫu 12a Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp Cơ quan kiểm dịch động vật không thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

b) Mẫu 12b Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp Cơ quan kiểm dịch động vật thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

c) Mẫu 12c Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp Cơ quan kiểm dịch động vật không thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

d) Mẫu 12d Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp Cơ quan kiểm dịch động vật thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

13. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu:

a) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu (Mẫu 13a);

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu (Mẫu 13b).

14. Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch:

a) Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 14a);

b) Giấy chứng nhận vận chuyển sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 14b).

15. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu:

a) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu (Mẫu 15a);

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu (Mẫu 15b);

16. Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam:

a) Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16a);

b) Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16b).

17. Đơn đăng ký kiểm dịch (Mẫu 17): Sử dụng trong tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

18. Đơn đăng ký kiểm dịch xuất/nhập kho ngoại quan động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 18).

19. Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 19).

20. Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương (Mẫu 20).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:……/ĐK-KDĐV

Kính gửi: (1)……

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....……..

Địa chỉ giao dịch: .....……..

Số căn cước/số Hộ chiếu/:……Cấp ngày ……../…../…… tại .....……..

Điện thoại: ……Fax: ……..Email: .....……..

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	**Giống**	**Tuổi**	**Tính biệt**		**Số lượng** *(con)*	**Mục đích sử dụng**
			Đực	Cái		
Tổng số						

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....……

Nơi xuất phát: .....……..

Tình trạng sức khỏe động vật: .....……..

.....……..

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....……
theo Văn bản số ……/……..ngày…../…./…....của …….(2) ……*(nếu có).*

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau *(nếu có):*

1/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

2/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

3/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

4/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

5/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh sau *(loại vắc-xin, nơi sản xuất)*:

1/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

3/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

4/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

5/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng: ……..

Địa chỉ: ……..

Điện thoại: ……..Fax: ……..

Nơi đến *(cuối cùng)*: ……..

Phương tiện vận chuyển…….. ……

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có):*

1/ …….Số lượng: ……Khối lượng: ……..

2/ …….Số lượng: ……Khối lượng: ……..

3/ …….Số lượng: ……Khối lượng: ……...

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển: ……..

Các vật dụng khác liên quan kèm theo: ……..

……..

Các giấy tờ liên quan kèm theo: ……..

……...

Địa điểm kiểm dịch: ……..

Thời gian kiểm dịch: ……..

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm……

……

…… vào hồi ……giờ……. ngày …../…../…….

Vào sổ đăng ký số……. ngày …../…../…….

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại……

Ngày ……tháng ……năm ……

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.

- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:……../ĐK-KDSPĐV

Kính gửi: (1)……

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....……..

Địa chỉ giao dịch: .....……..

Số căn cước/số Hộ chiếu: ……Cấp ngày ……../…../…… tại .....……..

Điện thoại: ……Fax: ……..Email: .....……..

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	**Quy cách đóng gói**	**Số lượng** *(2)*	**Khối lượng** *(kg)*	**Mục đích sử dụng**
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ):* .....

Cơ sở được giám sát chỉ tiêu vệ sinh thú y định kỳ/số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm, số…..…./……..ngày……./……./……..của ……(3)……(nếu có);

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: .....……..

.....……..

Điện thoại: ……..Fax: .....……..

II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng: .....……..

Địa chỉ: .....……..

Điện thoại: ……..Fax: .....……..

Nơi đến *(cuối cùng)*: .....……..

Phương tiện vận chuyển: ……. ……. …….

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có):*

1/ ……Số lượng: ……Khối lượng: ....……..

2/ ……Số lượng: ……Khối lượng: ....……..

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3/ ……Số lượng: ……Khối lượng: ....……...

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển: .....……..

Các vật dụng khác liên quan kèm theo: .....……..

.....……..

Các giấy tờ liên quan kèm theo: .....……..

.....……...

Địa điểm kiểm dịch: .....……..

Thời gian kiểm dịch: .....……..

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm……
……
…… vào hồi ……giờ……. ngày …../…../…….
Vào sổ đăng ký số……. ngày …../…../…….

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại……

Ngày ……tháng ……năm …….
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- *Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;*
- *(1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.*
- *(2) Số lượng kiện, thùng, hộp,....*
- *(3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 2a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Số: ...../ĐK-KDĐVXK

Kính gửi: (1) .....

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước/Số Hộ chiếu: …….Cấp ngày ……../…../…….

tại .....

Điện thoại: ……Fax: ……..Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	**Giống**	**Tuổi**	**Tính biệt**		**Số lượng** *(con)*	**Mục đích sử dụng**
			Đực	**Cái**		
Tổng số						

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Nơi xuất phát: .....

Tình trạng sức khỏe động vật: .....

.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

…… theo Văn bản số ……/……..ngày…../…./…..của ……. (2) ……*(nếu có).*

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau *(nếu có):*

1/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

2/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

3/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

4/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

5/ ……..……Kết quả xét nghiệm số……/……..ngày……../……./……

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh sau *(loại vắc-xin, nơi sản xuất)*:

1/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

2/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

3/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

4/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

5/ …….tiêm phòng ngày……../……./…….

II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu: ……

……..

Điện thoại: …… Fax: …….. Email: ……..

Cửa khẩu xuất: ……..

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất: .....Phương tiện vận chuyển:……..

Nước nhập khẩu: .....Nước quá cảnh *(nếu có)*: ……..

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển: ……..

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển: ……..

……..

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm: ……..

……..

……..

Địa điểm cách ly kiểm dịch: ……..

Thời gian tiến hành kiểm dịch: ……..

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm……

……

…… vào hồi ……giờ……. ngày …../…../…….

Vào sổ đăng ký số……. ngày …../…../…….

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại……

Ngày …….tháng ……năm ……..

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- *Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;*
- *(1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.*
- *(2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Số: ...../ĐK-KDSPĐVXK

Kính gửi: (1) .....

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước /Số Hộ chiếu: ……Cấp ngày ……../…../…… tại .....

Điện thoại: …….Fax: ……..Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	**Quy cách đóng gói**	**Số lượng** *(2)*	**Khối lượng** *(kg)*	**Mục đích sử dụng**
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ):* .....

Cơ sở được giám sát chỉ tiêu vệ sinh thú y định kỳ/Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm, số ……/……..ngày……./……./……..của ……*(3)*……. *(nếu có).*

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: .....

.....

Điện thoại: ……..Fax: .....

II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

.....

Điện thoại: …… Fax: …….. Email: .....

Cửa khẩu xuất: .....

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất: .....Phương tiện vận chuyển:.....

Nước nhập khẩu: .....Nước quá cảnh *(nếu có)*: .....

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển: .....……..

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển: .....……..

.....……..

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm: .....……..

.....……..

.....……..

Địa điểm cách ly kiểm dịch: .....……..

Thời gian tiến hành kiểm dịch: .....……..

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm……
……
…… vào hồi ……giờ……. ngày …../…../…….
Vào sổ đăng ký số……. ngày …../…../…….

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại……

Ngày …….tháng ……năm ……..

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp, ...
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng .....năm .....

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)

Số: ...../ĐK-KD

Kính gửi: ….....(**)

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....……..

Địa chỉ: .....……..

Số căn cước/Hộ chiếu: ……..…Cấp ngày ……../…../……..……
tại .....

Điện thoại: ….....Fax ….....E-mail .....……..

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***):.....*(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh lãnh thổ,...)*

Chi tiết lô hàng như sau:

1. Tên hàng hóa: .....…….
2. Nơi sản xuất :……..
3. Số lượng: ……..…..:……..
4. Trọng lượng tịnh: ……... …….
5. Trọng lượng cả bì: …….. …….
6. Loại bao bì: .....……..
7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr...):* .....……..
8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....……..
9. Nước xuất khẩu: .....:……..
10. Cửa khẩu xuất: .....……..
11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....……..
12. Nước nhập khẩu: .....……..
13. Phương tiện vận chuyển: .....……..
14. Cửa khẩu nhập: .....……..
15. Mục đích sử dụng: .....……..
16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y *(nếu có):* .....……
17. Địa điểm kiểm dịch: .....……
18. Thời gian kiểm dịch: .....……..
19. Địa điểm giám sát *(nếu có):* .....……..

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

20. Thời gian giám sát: .....……..

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....……..

22. Số, ngày vận đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển (nếu có): ……..

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: .....……..

.....……..

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi ….... giờ, ngày …... tháng ….... năm ….....

Vào sổ số …....., ngày …..... tháng …..... năm….....
….....(**)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số Hộ chiếu/Số căn cước, ngày tháng và nơi cấp.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 4
Form:

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE

Số:...../BK-KD
Number:

Tên tàu: ..... Quốc tịch: .....
Name of the ship *Nationality*
Tên thuyền trưởng: ..... Tên bác sĩ: .....
Master's name: *Doctor's name:*
Số thuyền viên: ..... Số hành khách: .....
Number of crew: *Number of passengers*
Cảng rời cuối cùng: ..... Cảng đến tiếp theo: .....
Port of arrival from *Next port*

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó: .....
The first port of loading and the date of departure
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of animal loaded at the first port:
.....
.....
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật-nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:
Name, quantity and weight of animal loaded at the intermediate ports and the names of these ports:
.....
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật-cần bốc ở cảng này:
Name, quantity and weight of animal to be discharged at this port:
.....
.....
.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for entirely by the said regulations on animal quarantine.

....., ngày tháng năm.....
Date

THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
MASTER*(Authorized agent or officer)*
(Signature, stamp, full name)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 5

Tên tổ chức, cá nhân .....
Địa chỉ: .....
Tel: .....
Fax: .....
Email: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../ .....

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ GỬI/NHẬN MẪU BỆNH PHẨM

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn kiểm dịch Gửi/Nhận mẫu bệnh phẩm như sau:

STT	Loại mẫu bệnh phẩm	Tên loài được lấy mẫu/ tên khoa học	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Cửa khẩu xuất	Cửa khẩu nhập

- Nguồn gốc, xuất xứ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm: .....
Địa chỉ: .....
.....
- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm: .....
.....
Địa chỉ: .....
- Thời gian thực hiện: .....
- Mục đích sử dụng: .....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 6

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÀ LẤY MẪU XÉT NGHIỆM
Số: ...../BB-KTLM

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày.....tháng.....năm.....
Tại địa điểm: .....
Chúng tôi gồm có:
1/Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
Đơn vị: .....
2/ Ông/Bà: .....Chức vụ: .....
Đơn vị: .....
3/ Ông bà: .....là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch: .....
Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....
Tiến hành kiểm tra hàng và lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm lô hàng:

Tên hàng	**Quy cách đóng gói**	**Tổng số hàng**		**Mẫu hàng lấy xét nghiệm**	
		Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Số lượng mẫu	Khối lượng *(kg)*
Tổng số					

Tình trạng hàng hóa: .....
.....
Thời gian dự kiến trả lời kết quả vào ngày ..... tháng ..... năm .....
Biên bản này được lập thành 02 bản:
- 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ;
- 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lấy mẫu/Người giám sát lấy mẫu (2)
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Nếu hàng là động vật thì ghi số lượng động vật (con); nếu hàng là sản phẩm động vật thì ghi số lượng kiện, thùng, hộp.
(2) Nếu Kiểm dịch viên động vật hướng dẫn, giám sát lấy mẫu thì ký và ghi rõ họ tên của Kiểm dịch viên động vật và người trực tiếp lấy mẫu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 7

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG VỆ SINH THÚ Y CỦA ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
Số: ...../BB-VSTY

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày.....tháng.....năm .....

Tại địa điểm: .....

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật: .....

2/ Ông bà: .....là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Tiến hành kiểm tra vệ sinh thú y lô hàng:

1/ ..... Số lượng: .....Khối lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....Khối lượng:.....

3/ ..... Số lượng: .....Khối lượng:.....

4/ ..... Số lượng: .....Khối lượng:.....

Phương pháp kiểm tra vệ sinh thú y: .....

.....

Tình trạng vệ sinh thú y của lô hàng: .....

.....

.....

.....

Kết luận: .....

.....

Ý kiến của chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người làm chứng*(nếu có)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 8

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM PHONG/MỞ NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, CHỨA ĐỰNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Số: ...../BB-MNP

Hôm nay, hồi ..... giờ .....phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại .....

.....

Chúng tôi gồm:

1/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật: .....

2/ Ông/bà: .....là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Cấp ngày: ...../...../.....

Nơi cấp: .....

Với sự chứng kiến của:

Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Cấp ngày: ...../...../.....

Nơi cấp: .....

Tiến hành niêm phong/mở niêm phong phương tiện vận chuyển/vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật; biển kiểm soát hoặc số công-ten-nơ..... bằng dây (chì)/tem niêm phong, thông tin dây (chì)/tem niêm phong .....

.....

Tình trạng vệ sinh thú y đối với lô hàng, phương tiện vận chuyển, chứa đựng: .....

.....

.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Người làm chứng*(nếu có)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 9

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-XLVSTY	*....., ngày.....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử lý vệ sinh thú y đối với động vật/sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (1)

Căn cứ Luật Thú y 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2025;Căn cứ Quyết định số ...../.....ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(2)..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của ..... (3) .....;

Căn cứ Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y của động vật, sản phẩm động vật số ..... /BB-VSTY ngày ...../..../..... của ..... (4) ..... ……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với số hàng sau:

1/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....……..

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....……..

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....……..

4/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....……..

Của ông bà: .....là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch: .....……..

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....……..

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Cấp ngày: ...../...../.....

Nơi cấp: .....……..

Số hàng trên đây không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định như sau:

.....……

.....……..

Các vật dụng *(phương tiện, dụng cụ, bao bì chứa đựng, thức ăn, chất độn, chất thải)* có liên quan:

.....……..

.....……..

Điều 2. Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các vật dụng có liên quan: .....……..

.....……

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

.....

.....

Điều 3. Địa điểm tiến hành xử lý vệ sinh thú y:.....

.....

.....

.....

.....

.....

Điều 4. Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng:.....

.....

.....

.....

Điều 5. Thời gian tiến hành xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng: vào hồi ..... giờ ..... ngày ...../...../.....

Điều 6. Nơi xử lý hàng phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.

Điều 7. Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y: .....

.....

.....

.....

.....

.....

…

Quyết định này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng giữ.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
.....

(1): Thủ trưởng cơ quan ra quyết định xử lý;
(2): Thẩm quyền ra quyết định;
(3): Tên cơ quan ra quyết định xử lý;
(4): Tên cơ quan kiểm dịch động vật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 10

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XỬ LÝ VỆ SINH THÚ Y HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Số: ...../BB-XLVSTY

Hôm nay, hồi .....giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....

Tại địa điểm: .....

Chúng tôi gồm:

1/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật: .....

2/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

3/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Căn cứ Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y số ...../QĐ-XLVSTY ngày ...../...../..... của .....
..... *(1)* .....

Đã tiến hành xử lý vệ sinh thú y lô hàng sau:

Tên hàng: .....

Số lượng: .....Khối lượng: .....

Của ông/bà: .....là chủ hàng *(người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các dụng cụ có liên quan: .....

.....

.....

.....

.....

.....

Địa điểm tiến hành xử lý: .....

.....

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng: .....……..

.....……..

.....……..

Thời gian tiến hành xử lý: vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... / ..... / .....……..

Nơi xử lý đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.

Phương pháp khử trùng tiêu độc: .....……

Hóa chất sử dụng trong khử trùng tiêu độc: .....Nồng độ: .....……

Kết quả xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng: .....……..

.....……..

.....……..

Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y *(nếu không phải tiêu hủy):*

1/ Được phép sử dụng làm thực phẩm: □

2/ Được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản: □

3/ Chỉ được phép chế biến nguyên liệu cho công nghiệp: □

Ý kiến của chủ hàng hoặc người đại diện: .....……..

.....……..

.....……..

.....……..

.....……..

Biên bản này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng	**Các cơ quan liên quan**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(1): Tên cơ quan kiểm dịch động vật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 11

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

Số: ...../BB-KTVSTY

Hôm nay, vào hồi .....giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Tại cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: ..... Email: .....

Chúng tôi gồm:

1/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật: .....

2/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

3/ Ông/bà: .....Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Đã tiến hành kiểm tra điều kiện vệ sinh đối với cơ sở.

Kết quả kiểm tra:

1. Địa điểm: .....
2. Điều kiện cơ sở: .....
3. Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ: .....
4. Điều kiện nuôi nhốt động vật/ bảo quản sản phẩm động vật .....
5. Nước sạch sử dụng tại cơ sở: .....
6. Nơi cách ly động vật ốm/nơi lưu giữ sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y:

.....

7. Nơi xử lý động vật, sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y: .....

.....

8. Hệ thống thoát nước và xử lý chất thải: .....
9. Điều kiện sức khỏe của người làm việc tại cơ sở: .....
10. Đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc ngày ..... tháng .....năm .....

- Phương pháp vệ sinh tiêu độc: .....
- Hóa chất sử dụng trong tiêu độc: .....nồng độ: .....

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

Kiến nghị *(nếu có)*:

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do cơ sở được thẩm định giữ.

Đại diện cơ sở	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 12a

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số: ...../CN-KDĐV

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

.....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	**Tuổi** *(1)*	**Tính biệt**		**Số lượng** ***(con)***	**Mục đích sử dụng**
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Nơi xuất phát: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ ..... Số lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....

3/ ..... Số lượng: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

..... tại kết quả xét nghiệm số: ...../……

ngày ...../ ...../ ..... của ..... *(2)* .....*(gửi kèm bản sao, nếu có).*

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../…..
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../…..
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../…..
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../…..

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....	*Cấp tại ....., ngày ...../...../.....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1): Đối với động vật làm giống.
(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 12b

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số: ...../CN-KDĐV-UQ

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	**Tuổi** ***(1)***	**Tính biệt**		**Số lượng** ***(con)***	**Mục đích sử dụng**
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Nơi xuất phát: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ ..... Số lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....

3/ ..... Số lượng: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....…….

..... tại kết quả xét nghiệm số: ...../ ……

ngày ...../ ...../ ..... của ..... *(2)* .....*(gửi kèm bản sao, nếu có).*

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../…….
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../…….
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../…….
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../……

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....
KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.
(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 12c

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số: ……../CN-KDSPĐV

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....……

Địa chỉ giao dịch: .....…….

Điện thoại: ……Fax: ……Email: .....…….

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	**Dạng sản phẩm**	**Quy cách đóng gói, bảo quản**	**Số lượng *(1)***	**Khối lượng *(kg)***	**Mục đích sử dụng**
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....……..

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản: .....……..

Địa chỉ: .....……..

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....……..

Địa chỉ: .....……..

Điện thoại: ……Fax: ……Email: .....……..

Nơi đến cuối cùng: .....……..

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ ……Số lượng: ……Khối lượng: ……

2/ ……Số lượng: ……Khối lượng: ……

3/ ……Số lượng: ……Khối lượng:…….

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát:…….

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển: .....……..

Các vật dụng khác có liên quan: .....…….

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số: ……/…….. ngày ……./……../……của ……..*(2)*……..*(gửi kèm bản sao, nếu có).*

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau: .....……

.....…….

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng ……nồng độ …… *(nếu có).*

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ……nồng độ …….

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....	*Cấp tại ....., ngày ...../...../.....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...
(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 12d

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số: ...../CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	**Dạng sản phẩm**	**Quy cách đóng gói, bảo quản**	**Số lượng *(1)***	**Khối lượng *(kg)***	**Mục đích sử dụng**
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản: .....

Địa chỉ: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát:.....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số: ……/…….. ngày ……./……./…… của ……..*(2)*……..*(gửi kèm bản sao, nếu có).*

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau: .....…….

.....…….

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng ……nồng độ …… *(nếu có).*

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ……nồng độ …….

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....
KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...
(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 13a

Form

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số: ……../CN-KDĐVXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: ……..

Name and address of exporter:

……..

Tel: …… Fax: …… Email: ……..

Nơi xuất phát của động vật:……..

Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	**Loài động vật** *Species of animal*	**Giống** *Breed*	**Tính biệt** *Sex*	**Tuổi** *Age*	**Mục đích sử dụng** *Use for*

Tổng số: ……..

Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: …… Phương tiện vận chuyển: ……..

Country of destination: *Means of transport:*

Nước quá cảnh:…… Cửa khẩu xuất:……..

Country of transit: *Point of exit:*

Tên, địa chỉ người nhận hàng: ……..

Name and address of consignee:

……..

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

Satisfies/satisfy the following requirements:

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến: ……/...../…… Giấy này làm tại …….. ngày …./…./….

Valid up to *Issued at* *on*

Bác sĩ thú y*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR*(Signature, stamp, full name)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 13b
Form

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS

Số: ……../CN-KDSPĐVXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: ……
Name and address of exporter:
……
Tel: …… Fax: …… Email: ……..
Tên, địa chỉ người nhận hàng: ……
Name and address of consignee:
……
Nước nhập khẩu: …… …… Nước quá cảnh: ……
Country of destination: *Country of transit:*
Cửa khẩu xuất:……
Point of exit:
Loại sản phẩm: ……..
Type of products:
Mục đích sử dụng: ……
Use for:
Quy cách đóng gói: ……
Type of package:
Số kiện hàng:…… Khối lượng: ……
Number of package: *Net weight:*
Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng: ……
Name and address of the processing establishment:
……
Tel:…… Fax: ……
Phương tiện vận chuyển: ……
Means of transport:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến: …/...../…

Valid up to

Giấy này làm tại …….. ngày …./…./….

Issued at *on*

Bác sĩ thú y*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR*(Signature, stamp, full name)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 14a

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VỀ NƠI CÁCH LY KIỂM DỊCH

Số: ……../ CN-ĐVCLKD

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....……

Địa chỉ giao dịch: .....……

Số căn cước/Số Hộ chiếu:……Cấp ngày …../…../…….. tại .....……..

Điện thoại: ……Fax: ……Email: .....……..

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	**Tuổi**	**Tính biệt**		**Số lượng** *(con)*	**Mục đích sử dụng**
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....……

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....……

.....……..

Nước xuất khẩu: ……Nước quá cảnh *(nếu có)*.....……

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: ……Thời gian nhập: ngày……/……../….

Các vật dụng khác có liên quan: .....……..

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....……..

.....……..

Phương tiện vận chuyển: …… Biển kiểm soát:……

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

2. Số động vật trên khỏe mạnh và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng …….nồng độ…….

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số động vật trên phải được chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày …./…../…. để nuôi cách ly kiểm dịch tại địa điểm: .....…….

.....……

2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình: .....……

.....…….

3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển.

4. Chỉ được phép đưa động vật về nơi cách ly kiểm dịch tại địa điểm nêu trên và đúng thời gian quy định để nuôi cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến:……/...../…… *Cấp tại ……., ngày …./…./……..*

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 14b

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VỀ NƠI CÁCH LY KIỂM DỊCH
Số:……../CN-SPĐVCLKD

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước/Số Hộ chiếu:……Cấp ngày …../…../…….. tại .....

Điện thoại: ……Fax: ……Email: .....

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

.....

Nước xuất khẩu: ……..Nước quá cảnh *(nếu có)*.....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: ……..Thời gian nhập: ngày……/……../……

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

.....

Phương tiện vận chuyển: …… Biển kiểm soát: .....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận (2):

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

2. Sản phẩm động vật bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.

3. Số sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng …….nồng độ…….

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số sản phẩm động vật trên phải được chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày …./…../…. để kiểm dịch tại địa điểm: .....…….

.....…….

2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình: .....…….

.....…….

3. Nghiêm cấm vứt sản phẩm động vật, chất thải, bao bì chứa đựng trong quá trình vận chuyển.

4. Chỉ được phép đưa sản phẩm động vật về nơi cách ly kiểm dịch nêu trên và đúng thời gian quy định để cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến: ……/...../…… *Cấp tại ……, ngày …./…./…….*

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp, ….
(2) Kiểm dịch viên động vật gạch ngang những nội dung không thực hiện.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 15a

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:……../CN-KDĐVNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch:.....

Số căn cước/Số Hộ chiếu:……Cấp ngày …../…../…….. tại .....

Điện thoại: ……Fax: ……Email: .....

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

.....

Nước xuất khẩu: …….…….. Nước quá cảnh *(nếu có)*:.....

Nơi chuyển đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển *(nếu có)*: ……

Phương tiện vận chuyển: .....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a/ ……Tiêm phòng ngày ……/……../……

b/ ……Tiêm phòng ngày ……/……../……

c/ ……Tiêm phòng ngày ……/……../……

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ……nồng độ…….

5. Động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh……. tại kết quả xét nghiệm số……..…./ …….. ngày……/……./……của…… *(nếu có).*

Giấy có giá trị đến: ……/...../…… *Cấp tại* ……, *ngày* …./…./….

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 15b

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:……../CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước/Số Hộ chiếu:……Cấp ngày …../…../…….. tại .....

Điện thoại: ……Fax: ……Email: .....

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	**Quy cách đóng gói**	**Số lượng** *(1)*	**Trọng lượng** *(kg)*	**Mục đích sử dụng**
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến: .....

.....

Nước xuất khẩu: …….. Nước quá cảnh *(nếu có)* .....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: ……Thời gian nhập: ngày ……/……../…….

Nơi chuyển đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển *(nếu có):* ……

Phương tiện vận chuyển: .....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên (2):

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.

3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng ……nồng độ …… *(nếu có).*

5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ……..nồng độ ……..

6. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh…….. tại kết quả xét nghiệm số……./……..….. ngày……/……./……của…….. *(nếu có).*

Giấy có giá trị đến: ……/...../…… *Cấp tại ……, ngày …./…./….*

Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,.....
(2) Kiểm dịch viên động vật gạch ngang những nội dung không thực hiện.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 16a

Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM

Veterinary certificate for temporatily imported for re-export, transport of point, transit of animal through Viet Nam

Số: ……../CN-KDĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....
Name and address of exporter:
.....
Tên, địa chỉ của chủ hàng *(hoặc người đại diện):* .....
Name and address of owner of commodity or his representavite:
.....
Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: .....
Name and address of final consignee:
.....
Cửa khẩu nhập:…….. Cửa khẩu xuất: .....
Declared point of entry: *Declared point of exit:*
Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ ……/…../…… đến …../……./……
The duration transport or storage in Vietnam: *From* *to*

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	**Loài động vật** *Species of animal*	**Giống** *Breed*	**Tính biệt** *Sex*	**Tuổi** *Age*

Tổng số: .....
Total:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned official Veterinarian certifies that:
1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;
The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Accopanying bedding, waste and tools have been treated in accodance with regulation;

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;
Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....
Allowed itinerary:
.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;
Disposal of waste and dead carcases during the transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;
Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.
Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến: ……/...../…… Giấy này làm tại ……..ngày …./…./….
Valid up to *Issued at* *on*

Bác sĩ thú y*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR*(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT
.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

……., ngày …./…./……..
Issued at: *Date of issue:*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR*(Signature, stamp, full name)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 16b
Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM

Veterinary certificate for temporatily imported for re-export, transport of point, transit of animal product through Viet Nam

Số: ……../CN-KDSPĐVQC
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....
Name and address of exporter:
.....
Tên, địa chỉ của chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....
Name and address of owner of commodity or his representavite:
.....
Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: .....
Name and address of final consignee:
.....
Loại sản phẩm: .....
Type of products:
Quy cách đóng gói: .....
Type of package:
Số kiện hàng:..... Khối lượng: .....
Number of package *Net weight:*
Cửa khẩu nhập:..... Cửa khẩu xuất: .....
Declared point of entry: *Declared point of exit:*
Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ ...../...../..... đến ...../...../.....
The duration transport or storage in Vietnam: From to

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned official Veterinarian certifies that
1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;
The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;
2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;
The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement
3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....……..

Allowed itinerary:

.....……..

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited

3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến: …/...../……
Valid up to

Giấy này làm tại ……. ngày …./…./….
Issued at *on*

Bác sĩ thú y*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR*(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....……..
.....……..
.....……..
.....……..
.....……..

Bác sĩ thú y*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

……., ngày …./…./….
Issued at: *Date of issue:*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR*(Signature, stamp, full name)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 17

CÔNG TY..... Địa chỉ: ..... Tel: ..... Fax: ..... Email:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../..... *....., ngày tháng năm 20...*

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch lô hàng sau theo hình thức (1):

Tạm nhập tái xuất □ Quá cảnh lãnh thổ Việt Nam □

Chuyển cửa khẩu □

STT	Tên hàng	Số lượng(2) (tấn)	Nước xuất khẩu	Cửa khẩu nhập	Cửa khẩu xuất
	Tổng số				

- Từ Công ty: .....
Địa chỉ: .....
- Tên Công ty tiếp nhận: .....
Địa chỉ: .....
- Thời gian thực hiện: .....
- Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: .....
- Lộ trình trên lãnh thổ Việt Nam: .....
.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Đề nghị chỉ đánh dấu 01 hình thức kiểm dịch nêu trên.
(2): Số lượng có thể dự trù nhập khẩu trong 03 tháng.

Mẫu 18

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CÔNG TY.....
Địa chỉ: .....
Tel: .....
Fax: .....
Email: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH XUẤT/NHẬP KHO NGOẠI QUAN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty .....đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Số lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
Tổng số				

- Từ Công ty: .....
Địa chỉ: .....
.....
- Cửa khẩu nhập: .....
- Tên, địa chỉ kho ngoại quan: .....
Giấy phép số .....ngày ...../ ...../....., thời hạn: .....hoặc Hợp đồng thuê kho ngoại quan số: .....ngày ...../ ...../....., thời hạn: .....
- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan: .....
- Thời gian thực hiện: .....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Số lượng hàng có thể dự trù để thực hiện trong 03 tháng.*

Mẫu 19

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CÔNG TY.....
Địa chỉ: .....
Tel: .....
Fax: .....
Email: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng:

I. ĐỘNG VẬT

STT	**Loại động vật**	**Số lượng** (con) (1)		**Tên, địa chỉ trang trại; mã số** *(nếu có)*	**Nước xuất khẩu**	**Cửa khẩu nhập**
		Đực	Cái			
	Tổng số					

- Từ Công ty: .....
Địa chỉ: .....
.....
- Thời gian thực hiện: .....
- Mục đích sử dụng: .....
- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....
.....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

STT	**Tên hàng**	**Số lượng** (1) (tấn)	**Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất; mã số** *(nếu có)*	**Nước xuất khẩu**	**Cửa khẩu nhập**
	Tổng số				

- Từ Công ty: .....
.....
Địa chỉ: .....

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

.....

- Thời gian thực hiện: .....
- Mục đích sử dụng: .....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY .....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trù nhập khẩu trong 03 tháng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu 20

CÔNG TY .....
Địa chỉ: .....
Tel: .....
Fax: .....
Email: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU BỘT THỊT XƯƠNG

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty…… .....đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng bột thịt xương:

STT	Tên hàng	Số lượng (1) (tấn)	Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất; mã số cơ sở (nếu có)	Nước xuất khẩu	Cửa khẩu nhập
	Tổng số				

- Từ Công ty: .....
Địa chỉ: .....
.....
- Thời gian thực hiện: .....
- Mục đích sử dụng: chế biến thức ăn chăn nuôi cho lợn, gia cầm và thủy sản.
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....
.....

Chúng tôi cam kết không sử dụng bột thịt xương của loài nhai lại để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y

CÔNG TY .....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng có thể dự trù nhập khẩu trong 03 tháng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục VI
MẪU DẤU SỬ DỤNG KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Đối với Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ "BẢN GỐC" hoặc "BẢN SAO", bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.



Hình 1. Mẫu dấu "BẢN GỐC"



Hình 2. Mẫu dấu "BẢN SAO"

2. Đối với Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ "ORIGINAL" hoặc "COPY", bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.



Hình 3. Mẫu dấu "ORIGINAL"



Hình 4. Mẫu dấu "COPY"

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 12a

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

BẢN GỐC

Số: ...../CN-KDĐV

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*: .....

Nơi xuất phát: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ ..... Số lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....

3/ ..... Số lượng: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh/cơ sơ được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....

..... tại kết quả xét nghiệm số: ...../.....

ngày ...../...../..... của .....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có).*

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày ...../...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../...../.....

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ .....trước khi vận chuyển.

Giấy có giá trị đến ngày: ……/……./…

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại……, ngày …./…./….

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 13a
Form:

ORIGINAL

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEATH CERTIFICATE FOR EXPORT
Số: ……../CN-KDĐVXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: ……..
Name and address of exporter:
……..
Tel: …… Fax: …… Email: ……..
Nơi xuất phát của động vật:……..
Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	Loài động vật Species of animal	Giống *Breed*	Tính biệt *Sex*	Tuổi *Age*	Mục đích sử dụng *Use for*

Tổng số: ……..
Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: …… Phương tiện vận chuyển: ……..
Country of destination: *Means of transport:*
Tên, địa chỉ người nhận hàng: ……
Name and address of consignee:
……

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

Satisfies/satisfy the following requirements:

.....……..

.....……..

Giấy có giá trị đến: ……/...../……

Valid up to

Giấy này làm tại …….. ngày …./…./….

Issued at *on*

Bác sĩ thú y*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR*(Signature, stamp, full name)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục VIIa

MÃ SỐ CỦA CHI CỤC CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH THÚ Y CẤP TỈNH

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên tỉnh, thành phố	Mã số	TT	Tên tỉnh, thành phố	Mã số
1.	Thành phố Hà Nội	**01**	18.	Tỉnh Hà Tĩnh	**42**
2.	Tỉnh Cao Bằng	**04**	19.	Tỉnh Quảng Trị	**44**
3.	Tỉnh Tuyên Quang	**08**	20.	Thành phố Huế	**46**
4.	Tỉnh Điện Biên	**11**	21.	Thành phố Đà Nẵng	**48**
5.	Tỉnh Lai Châu	**12**	22.	Tỉnh Quảng Ngãi	**51**
6.	Tỉnh Sơn La	**14**	23.	Tỉnh Gia Lai	**52**
7.	Tỉnh Lào Cai	**15**	24.	Tỉnh Khánh Hòa	**56**
8.	Tỉnh Thái Nguyên	**19**	25.	Tỉnh Đắk Lắk	**66**
9.	Tỉnh Lạng Sơn	**20**	26.	Tỉnh Lâm Đồng	**68**
10.	Tỉnh Quảng Ninh	**22**	27.	Tỉnh Đồng Nai	**75**
11.	Tỉnh Bắc Ninh	**24**	28.	Thành phố Hồ Chí Minh	**79**
12.	Tỉnh Phú Thọ	**25**	29.	Tỉnh Tây Ninh	**80**
13.	Thành phố Hải Phòng	**31**	30.	Tỉnh Đồng Tháp	**82**
14.	Tỉnh Hưng Yên	**33**	31.	Tỉnh Vĩnh Long	**86**
15.	Tỉnh Ninh Bình	**37**	32.	Tỉnh An Giang	**91**
16.	Tỉnh Thanh Hóa	**38**	33.	Thành phố Cần Thơ	**92**
17.	Tỉnh Nghệ An	**40**	34.	Tỉnh Cà Mau	**96**

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục VIIb

MÃ SỐ CỦA CÁC CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỬA KHẨU THUỘC CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên cơ quan kiểm dịch động vật	Mã số
1.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng II	**A**
2.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng I	**B**
3.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng III	**C**
4.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng IV	**D**
5.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI	**E**
6.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VII	**G**
7.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng V	**H**

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục VIIc

NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, VẬT DỤNG CHỨA ĐỰNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Dây niêm phong: Dây niêm phong bảo đảm có độ dẻo, dai, có hình dáng tương tự như sau:



2. Ghi thông tin trên dây niêm phong:

a) Hàng trên:

- Mã số chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, mã số Cơ quan kiểm dịch động vật thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y

- Năm vận chuyển (ghi 2 chữ số cuối, ví dụ năm 2025 ghi là: 25)

b) Hàng dưới:

Số dây niêm phong, gồm 6 chữ số thứ tự từ 000001 đến 999999.

3. Trường hợp sử dụng phương pháp niêm phong khác, phải bảo đảm đầy đủ thông tin như trong mục 2 phụ lục VIIc ban hành kèm theo Thông tư này.

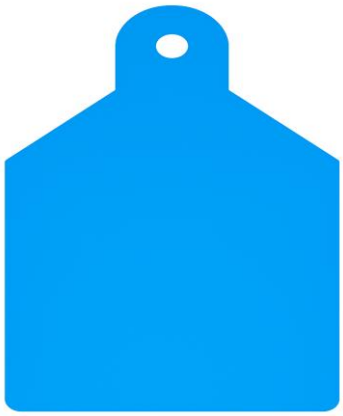
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục VIII
MẪU THẺ TAI, SĂM TAI
Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

---

1. Mẫu thẻ tai sử dụng cho gia súc vận chuyển trong nước:

a) Mẫu thẻ tai:



Hình 1

Thẻ tai màu xanh dùng cho gia súc vận chuyển trong nước
(có kích thước: Chiều rộng là 4 cm và chiều cao là 5 cm)



Hình 2

Mẫu thẻ tai dùng cho gia súc do
Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y Thành phố Hà Nội cấp

- **01** là mã số của Thành phố Hà Nội;

- **005** là mã số của 1 xã của Thành phố Hà Nội (nơi xuất phát của gia súc hoặc nơi nuôi cách ly gia súc);

- **25** là số viết tắt của năm 2025 (năm cấp thẻ tai);

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- **000009** là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

b) Hình mẫu chữ số của dụng cụ để xăm trên da ở mặt ngoài, phía dưới tai của lợn:



Hình 1a



Hình 1b

c) Mẫu mã số xăm trên da ở mặt ngoài, phía dưới tai của lợn.



Hình 2a

0100525

Hình 2b

Ví dụ Ghi chú mã số:

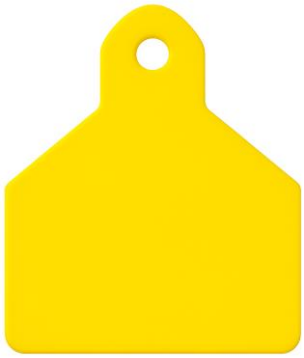
- **01** là mã số của Thành phố Hà Nội;

- **005** là mã số của 1 xã của Thành phố Hà Nội (nơi xuất phát của gia súc hoặc nơi nuôi cách ly gia súc);

- **25** là số viết tắt của năm 2025 (năm cấp thẻ tai);

2. Mẫu thẻ tai sử dụng cho gia súc xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Mẫu thẻ tai



Hình 3

Thẻ tai màu vàng dùng cho gia súc xuất khẩu, nhập khẩu
(có kích thước: Chiều rộng là 4 cm và chiều cao là 5 cm)

b) Mẫu thẻ tai do Cơ quan kiểm dịch động vật thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn



Hình 4

Mẫu thẻ tai dùng cho gia súc do Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng I cấp

- **B** là mã số của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng I;

- **01** là mã số của Thành phố Hà Nội (nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu);

- **25** là số viết tắt của năm 2025 (năm cấp thẻ tai);

- **003689** là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

c) Mẫu thẻ tai do Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y được ủy quyền thực hiện



Hình 5

Mẫu thẻ tai dùng cho gia súc do Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y tỉnh An Giang cấp

- **91** là mã số của Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y tỉnh An Giang được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền làm công tác kiểm dịch động vật xuất nhập khẩu;

- **92** là mã số của Thành phố Cần Thơ (nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu);

- **25** là số viết tắt của năm 2025 (năm cấp thẻ tai);

- **000456** là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

3. Trường hợp gia súc nhập khẩu đã được đánh dấu (mã số nhận diện), khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh không phải đánh dấu lại.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục IX

MẪU BẢNG KÊ MÃ SỐ ĐÁNH DẤU GIA SÚC

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN ĐƠN VỊ

Dấu của cơ quan KD ĐV cấp giấy CNKD

BẢNG KÊ MÃ SỐ ĐÁNH DẤU GIA SÚC

(Kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch động vật số …….
cấp ngày tháng năm 20….)

STT	**Tên loài**	**Mã số, số hiệu của gia súc**	**Số lượng** (con)	**Ghi chú**
		Tổng số		

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Trường hợp đàn gia súc cùng loài, có cùng mã số tỉnh, xã, năm cấp thẻ tai và có số hiệu theo thứ tự liên tục thì có thể ghi mã số, số hiệu từ số đầu đến số cuối.

Ví dụ:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Tên loài	Mã số, số hiệu của gia súc	Số lượng (con)	Ghi chú
1.	Trâu	01.005/25 000009	1	
2.	Trâu	Từ 01.005/25 000121 đến 01.005/25 000136	16	
3.	Bò	Từ 01.005/25 000137 đến 01.005/25 000142	6	

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục X

BIỂU MẪU ĐỂ QUẢN LÝ CÁC CƠ SỞ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH, HOẶC ĐÃ ĐƯỢC GIÁM SÁT DỊCH BỆNH HOẶC ĐÃ ĐƯỢC PHÒNG BỆNH BẰNG VẮC-XIN

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Đối với trâu, bò

STT	Tên cơ sở và địa chỉ	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc-xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
1		Lở mồm long móng (**)						
		Lao bò (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn (*)						
		Tụ huyết trùng (*)						
		Tiên mao trùng (*)						
		Biên trùng (*)						
		Lê dạng trùng (*)						

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống (riêng đối với Bệnh lao chỉ thực hiện trên bò giống, bò sữa); Lê dạng trùng chỉ trên bò

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

2. Bệnh đối với lợn

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc-xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
1.		Lở mồm long móng (**)						
		Dịch tả lợn (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn (*)						
		Tai xanh (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Bệnh đối với dê, cừu

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc-xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Lở mồm long móng (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn(*)						
		Đậu (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

4. Bệnh đối với ngựa

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc-xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Tiên mao trùng (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

5. Bệnh đối với gà, đà điểu, chim cút, bồ câu

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc-xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Cúm gia cầm độc lực cao (**)						
		Niu-cát-xơn(*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

6. Bệnh đối với vịt, ngan, ngỗng

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận ATDB		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc-xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Cúm gia cầm độc lực cao(**)						
		Dịch tả vịt (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

Ghi chú:

Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa lập danh sách các cơ sở chăn nuôi; cơ sở thu gom, kinh doanh động vật trên cạn theo Biểu mẫu này để làm cơ sở thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên cạn ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

Phụ lục XI

CÁC BỆNH PHẢI XÉT NGHIỆM, CHỈ TIÊU KIỂM TRA VÀ SỐ LƯỢNG MẪU LẤY ĐỂ KIỂM TRA, XÉT NGHIỆM ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. Động vật:

1. Các tác nhân gây bệnh phải xét nghiệm đối với động vật

Bảng 1: Các bệnh phải xét nghiệm đối với động vật

TT	Tên bệnh	Loại động vật	Mục đích
1	Lở mồm long móng	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống, giết mổ
2	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	Làm giống, giết mổ
3	Dịch tả lợn	Lợn	Làm giống
4	Cúm gia cầm thể độc lực cao	Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim	Làm giống, giết mổ
5	Niu-cát-xơn	Gà	Làm giống

2. Quy định về việc giám sát định kỳ:

a) Đối với các cơ sở chăn nuôi chưa được công nhận an toàn dịch bệnh, chưa được giám sát dịch bệnh định kỳ theo quy định hoặc chưa được phòng bệnh bằng vắc-xin hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ: Lấy mẫu giám sát định kỳ 6 tháng 1 lần. Đối với cơ sở thu gom, kinh doanh động vật: Lấy mẫu giám sát định kỳ 3 tháng 1 lần.

Trường hợp, chủ cơ sở không thực hiện việc giám sát định kỳ thì Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu theo từng lô hàng.

b) Số lượng mẫu lấy giám sát theo tỷ lệ lưu hành bệnh ước đoán là 10 % theo hướng dẫn tại Bảng 2 Phụ lục này.

c) Căn cứ vào kết quả giám sát định kỳ mầm bệnh và kiểm tra lâm sàng động vật trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, nếu động vật khỏe mạnh không mang mầm bệnh thì Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Bảng 2: Số lượng mẫu lấy để kiểm tra, xét nghiệm

Tổng đàn	Tỷ lệ mắc bệnh dự đoán						
	0,1%	0,5%	1%	2%	5%	***10%***	20%
50	50	50	48	48	35	***22***	12
100	100	100	96	78	45	***25***	13
200	200	190	155	105	51	***27***	14
500	500	349	225	129	56	***28***	14
1.000	950	450	258	138	57	***29***	14
5.000	2253	564	290	147	59	***29***	14
10.000	2588	581	294	148	59	***29***	14
> 10.000	2995	598	299	149	59	***29***	14

3. Lấy mẫu, gộp mẫu, xét nghiệm mẫu để kiểm dịch.

a) Các bệnh phải xét nghiệm đối với động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh quy định tại Bảng 1 của Phụ lục này: Mẫu xét nghiệm là mẫu gộp từ 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh;

b) Nguyên tắc gộp mẫu xét nghiệm: chỉ gộp mẫu đơn cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng một cơ sở chăn nuôi hoặc thu gom, kinh doanh động vật;

c) Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn;

d) Mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh quy định tại Bảng 1 Phụ lục này phải được xét nghiệm tại phòng thử nghiệm thuộc hoặc trực thuộc cơ quan chăn nuôi và thú y, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp (lĩnh vực thử nghiệm liên quan đến các chỉ tiêu xét nghiệm bệnh động vật).

II. Sản phẩm động vật:

Sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm: Thịt và sản phẩm thịt có nguồn gốc từ gia súc, gia cầm ở dạng tươi sống, ướp lạnh, đông lạnh, sơ chế.

Kiểm tra vi sinh vật gây ô nhiễm: Lấy mẫu, xét nghiệm định kỳ hàng tháng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục XII

CÁC CHỈ TIÊU KIỂM TRA, XÉT NGHIỆM ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VÀ LẤY MẪU ĐỂ KIỂM TRA, XÉT NGHIỆM

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. Động vật:

1. Các tác nhân gây bệnh phải xét nghiệm đối với động vật nhập khẩu

TT	Tên bệnh	Loại động vật	Mục đích sử dụng
1.	Lở mồm long móng	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống hoặc giết mổ
2.	Xoắn khuẩn	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống hoặc giết mổ
3.	Sảy thai truyền nhiễm	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống hoặc giết mổ
4.	Lao	Trâu, bò	Làm giống hoặc giết mổ
5.	Lưỡi xanh	Trâu, bò, dê, cừu	Làm giống
6.	Tiên mao trùng	Trâu, bò	Làm giống
7.	Lê dạng trùng	Trâu, bò	Làm giống
8.	Biên trùng	Trâu, bò	Làm giống
9.	Dịch tả loài nhai lại nhỏ	Dê, cừu	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
10.	Dịch tả lợn	Lợn	Làm giống
11.	Bệnh tiêu chảy cấp ở lợn	Lợn	Làm giống
12.	Suyễn lợn	Lợn	Làm giống
13.	Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS)	Lợn	Làm giống
14.	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
15.	Cúm gia cầm thể độc lực cao	Gà, vịt, ngan, ngỗng, thiên nga, chim	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
16.	Bạch lỵ	Gà, vịt, ngan, ngỗng	Làm giống
17.	Ho thở mạn tính (CRD)	Gà	Làm giống
18.	Dịch tả vịt	Vịt, ngan, ngỗng	Làm giống
19.	Viêm gan do virút	Vịt	Làm giống
20.	Niu-cát-xơn	Gà	Làm giống hoặc giết mổ
21.	Viêm da nổi cục	Trâu, bò	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Lấy mẫu xét nghiệm

Việc lấy mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này đối với động vật nhập khẩu được thực hiện như sau:

a) Lấy mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này đối với động vật nhập khẩu theo tỷ lệ lưu hành bệnh ước đoán là 5% theo khoản 3 mục I Phụ lục này.

Căn cứ vào việc công nhận tình trạng dịch bệnh của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) đối với nước xuất khẩu, nội dung chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu; việc lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này đối với động vật nhập khẩu được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b và điểm c khoản này.

b) Không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với:

b1) Động vật xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) công nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này.

b2) Các bệnh theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này đã được Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu chứng nhận trong Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu thể hiện động vật xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ không có bệnh hoặc động vật đã được phòng bệnh bằng vắc-xin.

c) Các bệnh theo quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục này đã được Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu xét nghiệm và chứng nhận trong giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu, lấy mẫu theo tỷ lệ lưu hành bệnh ước đoán là 10% theo khoản 3 mục I Phụ lục này.

d) Căn cứ tình hình dịch bệnh của nước xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn hoặc hướng dẫn theo thẩm quyền chỉ tiêu tác nhân gây bệnh cần xét nghiệm để kiểm dịch.

đ) Trường hợp phát hiện bệnh mới chưa được quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này, Cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chỉ tiêu kiểm dịch đối với bệnh mới.

e) Căn cứ triệu chứng lâm sàng, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm để kiểm tra tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục III.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Số lượng mẫu lấy để kiểm tra, xét nghiệm theo tỷ lệ mắc bệnh dự đoán

Tổng đàn	Tỷ lệ mắc bệnh dự đoán						
	0,1%	0,5%	1%	2%	***5%***	10%	20%
50	50	50	48	48	***35***	22	12
100	100	100	96	78	***45***	25	13
200	200	190	155	105	***51***	27	14
500	500	349	225	129	***56***	28	14
1.000	950	450	258	138	***57***	29	14
5.000	2253	564	290	147	***59***	29	14
10.000	2588	581	294	148	***59***	29	14
> 10.000	2995	598	299	149	**59**	29	14

II. Sản phẩm động vật:

1. Sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm

a) Các tác nhân gây bệnh phải xét nghiệm:

Nhóm/loại sản phẩm		Kiểm tra tác nhân gây bệnh
I. Nhóm nguy cơ cao	1. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm; *Salmonella spp., E.coli* (chủng O157:H7)
	2. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi; *Salmonella spp., E.coli* (chủng O157:H7)
	3. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của gia cầm, chim.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn; *Salmonella spp., E.coli* (chủng O157:H7)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Nhóm/loại sản phẩm		Kiểm tra tác nhân gây bệnh
	4. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của các loài động vật khác không thuộc quy định tại điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ cao.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
	5. Sữa tươi nguyên liệu.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm
	6. Trứng gia cầm tươi.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn; *Salmonella* spp.
	7. Tổ yến chưa chế biến.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn.
II. Nhóm nguy cơ thấp	1. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai.	Lở mồm long móng
	2. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi
	3. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của gia cầm, chim.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn
	4. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của các loài động vật khác không thuộc quy định tại các điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ thấp.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
	5. Sữa và sản phẩm sữa chế biến.	*Salmonella* spp.
	6. Trứng và sản phẩm trứng chế biến.	*Salmonella* spp.

b) Lấy mẫu xét nghiệm

b1) Sản phẩm động vật thuộc nhóm nguy cơ cao

Lấy mẫu từng lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh theo quy định tại điểm a khoản này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Riêng đối với chỉ tiêu *Salmonella* spp, *E.coli* (chủng O157:H7) thực hiện lấy mẫu theo tần suất như sau: Lấy mẫu của 03 lô hàng đầu tiên để kiểm tra, xét nghiệm. Nếu kết quả của cả 03 lô hàng đạt yêu cầu, thì cứ 03 lô hàng tiếp theo lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm. Trường hợp phát hiện lô hàng không đạt yêu cầu thì lấy mẫu 03 lô hàng tiếp theo để kiểm tra, xét nghiệm.

Không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với sản phẩm động vật thuộc nhóm nguy cơ cao xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) công nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh theo quy định tại điểm a khoản này.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu tại cửa khẩu, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (Mẫu 14b) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm động vật không thể lấy mẫu tại cửa khẩu, Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu tại kho bảo quản sản phẩm động vật theo đề nghị của chủ hàng.

Chủ hàng chịu trách nhiệm về việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch.

Riêng đối với sản phẩm động vật đông lạnh phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu.

b2) Sản phẩm động vật thuộc nhóm nguy cơ thấp:

Lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh theo quy định tại điểm a khoản này theo tần suất như sau:

Cứ 05 lô hàng kiểm tra thực trạng hàng hóa và lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm; nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

Không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với sản phẩm động vật thuộc nhóm nguy cơ thấp xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) công nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh theo quy định tại điểm a khoản này.

Việc kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu kiểm dịch được thực hiện tại cửa khẩu hoặc kho hàng của chủ hàng đáp ứng được yêu cầu (nếu có đề nghị của chủ hàng); chủ hàng phải chịu trách nhiệm vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch.

Trường hợp lô hàng không phải lấy mẫu kiểm tra, trong thời gian 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu chỉ kiểm tra hồ sơ, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật trên cạn nhập khẩu:

a) Các tác nhân gây bệnh phải xét nghiệm:

STT	Loại sản phẩm	Kiểm tra tác nhân gây bệnh
1.	Sản phẩm có nguồn gốc từ loài nhai lại	Lở mồm long móng
2.	Sản phẩm có nguồn gốc từ lợn	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi
3.	Sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn

b) Lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh

b1) Đối với thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, thức ăn thủy sản thành phẩm lấy mẫu theo tần suất như sau:

Cứ 05 lô hàng lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra tác nhân gây bệnh quy định tại điểm a khoản này. Nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

b2) Đối với nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản: lấy mẫu từng lô hàng kiểm tra tác nhân gây bệnh quy định tại điểm a khoản này.

b3) Đối với thức ăn, nguyên liệu quy định tại điểm b1 và điểm b2 khoản này có nhiều thành phần từ sản phẩm của các loài động vật khác nhau, lấy mẫu kiểm tra không quá 02 chỉ tiêu tác nhân gây bệnh tương ứng theo quy định tại điểm a khoản này.

b4) Không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với sản phẩm động vật được quy định tại điểm b1 và điểm b2 khoản này xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) công nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh theo quy định tại điểm a khoản này.

b5) Việc lấy mẫu, xét nghiệm tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế.

b6) Đối với lô hàng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, thức ăn thủy sản thành phẩm không phải lấy mẫu kiểm tra, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu chỉ kiểm tra hồ sơ, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

b7) Đối với lô hàng nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản không phải lấy mẫu xét nghiệm, trong thời gian 01

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hóa, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu.

c) Lấy mẫu kiểm tra tạp nhiễm ADN loài nhai lại đối với bột đạm động vật trên cạn, thủy sản để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

c1) Đối với sản phẩm xuất phát từ các quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) công nhận có nguy cơ không đáng kể với bệnh Bò điên theo Nghị quyết của WOAH: cứ 05 lô hàng lấy mẫu ngẫu nhiên của 01 lô hàng để kiểm tra. Nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

c2) Đối với sản phẩm xuất phát từ các quốc gia, vùng lãnh thổ không thuộc trường hợp quy định tại điểm c1: cứ 03 lô hàng lấy mẫu ngẫu nhiên của 01 lô hàng để kiểm tra. Nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 03 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm;

d) Đối với lô hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải kiểm tra ADN loài nhai lại phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu;

đ) Đối với sản phẩm động vật không phải kiểm tra ADN loài nhai lại, trường hợp chủ hàng có đề nghị đưa hàng về kho bảo quản (kho bảo quản của chủ hàng phải bảo đảm điều kiện bảo quản hàng hóa), Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu tại cửa khẩu, kiểm tra thực trạng hàng hóa, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (mẫu 14b) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho hoặc việc lấy mẫu có thể thực hiện tại kho bảo quản; chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa và không được đưa hàng đi tiêu thụ khi lô hàng chưa có kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu.

3. Ngoài các tác nhân gây bệnh quy định tại khoản 1 mục I, điểm a khoản 1 mục II, điểm a khoản 2 mục II Phụ lục này, căn cứ diễn biến dịch bệnh, Cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chỉ tiêu tác nhân gây bệnh để xét nghiệm theo quy định, khuyến cáo của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

4. Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 trong cùng 01 năm.

III. Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu làm nguyên liệu gia công, chế biến hàng xuất khẩu như sau:

1. Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, nội dung Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan thú y có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô hàng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch.

3. Lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh như sau:

a) Đối với thịt gà, thịt vịt, thịt ngan, thịt ngỗng và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà, vịt, ngan, ngỗng: Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh Cúm gia cầm thể độc lực cao; Niu-cát-xơn.

b) Đối với thịt lợn và sản phẩm ăn được sau giết mổ của lợn: Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh: Lở mồm long móng; Dịch tả lợn châu Phi.

c) Đối với thịt trâu, bò, dê, cừu và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của trâu, bò, dê, cừu: Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh Sảy thai truyền nhiễm; Lở mồm long móng.

4. Tần suất lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh như sau: Cứ 06 lô hàng thì lấy 03 mẫu của 01 lô hàng để kiểm tra.

5. Trường hợp các lô hàng thuộc diện chỉ kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, nội dung Giấy chứng nhận kiểm dịch, thực trạng hàng hóa: Nếu kiểm tra thực trạng hàng hóa phát hiện không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y thì lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y.

6. Xử lý kết quả kiểm tra: Được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Ngoài các tác nhân gây bệnh quy định tại khoản 3 Mục này, căn cứ diễn biến dịch bệnh, Cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chỉ tiêu tác nhân gây bệnh để xét nghiệm theo quy định, khuyến cáo của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

8. Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 trong cùng 01 (một) năm.

IV. Nguyên tắc lấy mẫu và gộp mẫu kiểm tra, xét nghiệm

1. Mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh quy định tại khoản 1 mục I; điểm a khoản 1 mục II, điểm a, điểm c khoản 2 mục II; khoản 3 mục III Phụ lục này phải được xét nghiệm tại phòng thử nghiệm thuộc hoặc trực thuộc cơ quan chăn nuôi và thú y, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp (lĩnh vực thử nghiệm liên quan đến các chỉ tiêu xét nghiệm bệnh động vật).

2. Các tác nhân gây bệnh đối với động vật nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này: gộp 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh.

3. Đối với sản phẩm động vật nhập khẩu theo quy định tại mục II Phụ lục này:

a) Lô hàng có 01 đến 02 mặt hàng: lấy mẫu tất cả các mặt hàng; mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Lô hàng có từ 03 mặt hàng trở lên: lấy mẫu 03 mặt hàng có số lượng/khối lượng lớn nhất; mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh.

4. Nguyên tắc gộp mẫu xét nghiệm: chỉ gộp mẫu đơn cùng chủng loại, cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng quốc gia, vùng lãnh thổ.

5. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn.

6. Khi phát hiện lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu không đạt yêu cầu về cảm quan, lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu lý hóa, vi sinh vật gây hại, tác nhân gây bệnh theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng của Việt Nam, quy định quốc tế.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục XIII

KIỂM SOÁT TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN, TIÊU THỤ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT SAU NHẬP KHẨU ĐỂ LÀM THỰC PHẨM

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm trong bảo quản, chia nhỏ, đóng gói lại sản phẩm động vật sau nhập khẩu để làm thực phẩm:

Thực hiện theo Chương IV Luật Thú y và Luật an toàn thực phẩm.

2. Kiểm soát vận chuyển, mua bán sản phẩm động vật nhập khẩu

a) Đối với lô hàng nhập khẩu sau khi đã được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu của Cơ quan kiểm dịch động vật nhập khẩu, sau đó chia nhỏ, đóng gói lại để vận chuyển sang tỉnh khác, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này;

b) Trường hợp khi chia nhỏ, đóng gói lại phát hiện sản phẩm động vật nhập khẩu không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y hoặc phát hiện tình trạng bảo quản sản phẩm động vật không đạt yêu cầu, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm; nếu xét nghiệm đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển; nếu không đạt yêu cầu thì xử lý theo quy định hoặc chuyển mục đích sử dụng khác (làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản, làm thức ăn cho cá sấu), Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thông báo Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến để tiếp tục theo dõi, giám sát.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

PHỤ LỤC XIV
QUY TRÌNH KIỂM TRA, LẤY MẪU KIỂM DỊCH LÔ HÀNG SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. PHẦN CHUNG

1. Giải thích từ ngữ

a) Đơn vị bao gói: là dạng bao gói độc lập dưới dạng bao, kiện, thùng, hộp, chai, lọ,... lặp lại trong một lô hàng.

b) Mẫu: là một phần đại diện cho một lô hàng.

c) Lấy mẫu: là các thao tác kỹ thuật được tiến hành trên cơ sở áp dụng những nguyên tắc, thủ tục, điều kiện kỹ thuật theo quy định để thu thập mẫu đại diện, đồng nhất cho lô hàng và phản ánh được thực trạng của lô hàng.

d) Mẫu đơn (mẫu ban đầu): là một lượng sản phẩm hoặc đơn vị bao gói được lấy riêng lẻ một cách ngẫu nhiên hoặc có chủ đích, cùng thời điểm tại một vị trí của lô hàng.

đ) Mẫu gộp (mẫu chung): Bao gồm những mẫu đơn từ cùng một lô hàng được trộn đều với nhau (sản phẩm rời hoặc bao gói) để thu được đặc tính đại diện cho lô hàng.

e) Mẫu trung bình: là một phần của mẫu gộp hoặc một số đơn vị bao gói lấy ra từ mẫu chung.

g) Mẫu phân tích (mẫu xét nghiệm): là một phần mẫu lấy ra từ mẫu trung bình dùng để phân tích các chỉ tiêu kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

h) Mẫu lưu: Là mẫu lấy ra từ mẫu trung bình hoặc mẫu gộp, trường hợp không gộp được thì lưu mẫu đơn.

2. Nguyên tắc chung

Trước khi lấy mẫu phải kiểm tra hồ sơ liên quan đến lô hàng; thực trạng hàng hoá, nếu đạt yêu cầu thì tiến hành lấy mẫu.

Để mẫu phản ánh đúng tình trạng chung của lô hàng, cần đảm bảo tính đồng nhất của lô hàng.

Việc lấy mẫu phải bảo đảm khoa học, nhanh chóng, thuận tiện; trình tự thực hiện công khai, minh bạch; bảo đảm tính ngẫu nhiên tại các vị trí khác nhau đại diện cho lô hàng.

Trường hợp không thể lấy mẫu tại cửa khẩu thì đưa sản phẩm động vật về Cơ quan kiểm dịch động vật hoặc kho của chủ hàng để lấy mẫu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Chuẩn bị

Trước khi tiến hành lấy mẫu phải thống nhất thời điểm tiến hành kiểm tra, lấy mẫu với chủ hàng hoặc người đại diện.

Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu liên quan, dụng cụ, trang thiết bị lấy mẫu và bảo quản mẫu phù hợp.

2. Kiểm tra thực tế

2.1. Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa đựng hàng hóa, niêm phong.

2.2. Kiểm tra thực trạng hàng hóa.

Mỗi mặt hàng tiến hành kiểm tra tối thiểu tại 5 vị trí hoặc đơn vị bao gói ngẫu nhiên ở các điểm khác nhau của lô hàng. Trường hợp lô hàng có nhiều mặt hàng thì tiến hành kiểm tra và lấy mẫu tối đa 03 mặt hàng có số lượng/khối lượng lớn nhất.

Đối với lô hàng có nhiều container, toa xe: người lấy mẫu chỉ định ngẫu nhiên và tiến hành kiểm tra từ 02 đến 04 container, toa xe (không áp dụng đối với các lô hàng phải kiểm tra ADN). Trường hợp nghi ngờ có thể tiến hành kiểm tra toàn bộ lô hàng.

Xử lý kết quả: kiểm tra thực trạng hàng hóa, nếu đạt yêu cầu thì lấy mẫu kiểm tra đối tượng kiểm dịch, trường hợp không đạt yêu cầu thì xử lý theo quy định.

3. Lấy mẫu

3.1. Số lượng, khối lượng mẫu

3.1.1. Số lượng mẫu để kiểm tra mầm bệnh theo quy định tại mục II, mục III và mục IV Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3.1.2. Số lượng mẫu để kiểm tra ADN, việc lấy mẫu như sau:

- Từ 01 đến 05 container: lấy 01 mẫu.

- Từ 06 đến 10 container: lấy 02 mẫu.

- Từ container thứ 10, nếu số lượng container tăng thêm từ 01 đến 05 container thì kiểm tra thêm 01 mẫu.

Trường hợp lô hàng chứa đựng trong hầm, toa tàu: nếu số lượng ≤ 200 tấn lấy 01 mẫu; từ 200 đến 500 tấn lấy 02 mẫu; trên 500 tấn lấy 03 mẫu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3.1.3. Khối lượng mẫu phân tích, mẫu lưu: tối thiểu phải đảm bảo đủ để phân tích các chỉ tiêu theo quy định và theo phương pháp phân tích của phòng thử nghiệm. Trường hợp phải gửi mẫu cho nhiều phòng thử nghiệm thì khối lượng được lấy thêm tương ứng. Khối lượng mẫu trung bình hoặc mẫu ban đầu (trường hợp mẫu ban đầu tương đương là mẫu trung bình) từ 500 – 1000g (không bao gồm xương).

3.2. Lấy mẫu phân tích

3.2.1. Lấy mẫu ban đầu

a) Với lô hàng bao gói

- Lô hàng được đóng trong các bao gói thùng, kiện, hộp, túi,…: mẫu ban đầu được lấy tại ít nhất 01 đơn vị bao gói nhưng không quá ở 05 đơn vị bao gói bằng cách chọn ngẫu nhiên các sản phẩm từ các bao gói được chọn trừ trường hợp đơn vị bao gói nhỏ thì phải lấy thêm để bảo đảm đủ khối lượng xét nghiệm theo phương pháp.

- Sản phẩm dạng lỏng, sệt: mẫu đơn được lấy tại ít nhất 03 vị trí ở các độ sâu khác nhau trong đơn vị bao gói.

b) Với lô hàng rời (chứa trong các toa xe, container, hầm tàu,…): lấy mẫu ban đầu ở ít nhất 03 vị trí khác nhau của lô hàng.

3.2.2. Lập mẫu chung

Gộp tất cả các mẫu ban đầu đã lấy được để lập mẫu chung, đại diện cho lô hàng.

3.2.3. Lập mẫu trung bình

a) Sản phẩm dạng lỏng, sệt: trộn kỹ mẫu chung và rút ra một lượng để lập mẫu trung bình;

b) Sản phẩm dạng sợi, mảnh, viên nhỏ có thể phân mẫu theo nguyên tắc ngẫu nhiên;

c) Các sản phẩm lớn có thể rút theo nguyên tắc ngẫu nhiên (cắt nhỏ nếu cần thiết);

d) Sản phẩm dạng bao gói sẵn: có thể trộn đều các bao gói, sau đó rút ngẫu nhiên các sản phẩm;

đ) Khối lượng mẫu trung bình đảm bảo đủ để phân tích các chỉ tiêu và lưu mẫu.

3.2.4. Lập mẫu phân tích

Từ mẫu trung bình chia thành 2 phần tương ứng, 1 phần là mẫu phân tích, một phần là mẫu lưu có số lượng/khối lượng mẫu như nhau. Khối lượng mẫu được lấy đảm bảo đủ để xét nghiệm các chỉ tiêu và lưu mẫu theo phương pháp xét

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nghiệm tương ứng. Trường hợp cần gửi nhiều phòng thử nghiệm có thể chia phần mẫu phân tích nhiều hơn. Nếu phương pháp xét nghiệm cần khối lượng mẫu nhỏ, sau khi lập mẫu xét nghiệm bảo đảm đại diện cho lô hàng thì phần mẫu thừa trả lại chủ hàng.

3.2.5. Ghi nhãn, bao gói, niêm phong, bảo quản, vận chuyển mẫu

a) Mẫu phải được bao gói, niêm phong, ghi nhãn bảo đảm tính bảo mật và không bị nhầm lẫn;

b) Bảo quản mẫu: mẫu được bảo quản theo điều kiện phù hợp với từng dạng sản phẩm như nguyên trạng ban đầu.

3.2.6. Biên bản lấy mẫu

Biên bản lấy mẫu được lập theo mẫu 06 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, được lập ngay sau khi lấy mẫu dưới sự chứng kiến và ký xác nhận của chủ hàng và các bên liên quan.

Các thông tin trong Biên bản lấy mẫu phải được ghi đầy đủ, chính xác, phản ánh trung thực tình trạng lô hàng như bao gói, bảo quản, ngày sản xuất, hạn sử dụng, ký hiệu phương tiện vận chuyển, chứa đựng, số niêm phong.

3.2.7. Vận chuyển, gửi mẫu

a) Mẫu phải được vận chuyển đến phòng thử nghiệm càng nhanh càng tốt bằng phương tiện vận chuyển bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng mẫu;

b) Mẫu gửi phòng thử nghiệm phải được mã hoá. Dụng cụ chứa đựng mẫu gửi đến phòng thử nghiệm phải được làm kín và bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng, nhiệt độ ảnh hưởng đến chất lượng mẫu.

3.2.8. Lưu mẫu, huỷ mẫu

Mẫu lưu được bảo quản ở điều kiện thích hợp với từng loại sản phẩm trong thời gian 30 ngày. Khối lượng mẫu lưu phù hợp với phương pháp thử nghiệm.

Hết thời gian lưu, mẫu lưu phải được huỷ theo quy định của pháp luật.

3.2.9. Trả mẫu thừa

Việc trả mẫu thừa (không phải phần mẫu sử dụng để xét nghiệm) được thực hiện sau khi có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu (Mẫu biên bản trả lại mẫu thừa quy định tại Phụ lục này).

- Trường hợp không thể lấy mẫu tại hiện trường mà phải đưa các đơn vị mẫu đơn về nơi đủ điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa để lấy mẫu thì sau khi

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

lấy mẫu, lập biên bản trả lại mẫu thừa cho chủ hàng.

- Trường hợp phương pháp xét nghiệm cần khối lượng mẫu nhỏ, sau khi lập mẫu xét nghiệm bảo đảm đại diện cho lô hàng thì phần mẫu thừa trả lại chủ hàng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu biên bản trả lại mẫu thừa

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TRẢ LẠI MẪU THỪA

Số: ...../BB-TLMT

Hôm nay, vào hồi ..…… giờ ……. phút, ngày..…....tháng.…....năm ……..…

Tại địa điểm: ....

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông/bà: .....Chức vụ: ……..

Đại diện cơ quan kiểm dịch động vật: .....

2/ Ông bà: .....…… là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch: .....….....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..…….....

Chúng tôi cùng thống nhất và giao nhận lại số mẫu thừa sau khi đã lấy mẫu của lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm như sau:

STT	Tên mẫu	ĐVT	Số lượng mẫu lấy ban đầu	Số lượng mẫu để kiểm tra, xét nghiệm	Số lượng mẫu trả lại	Ghi chú
	Tổng số					

Tình trạng lượng mẫu còn lại: .....…….....….....
.....
.....

Biên bản này được lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ./.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Người trả mẫu**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn